UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn
Mã số: 7140217
Trình độ đào tạo: Đại học
Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hải Dương

PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về Trường Đại học Hải Dương

Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kĩ thuật Hải Dương và được đổi tên theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua quá trình xây dựng, phát triển, Trường Đại học Hải Dương đã đóng góp một nguồn nhân lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là khu vực Đồng bằng sông Hồng. Trường đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước cho những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba). Nhiều đơn vị và cá nhân trực thuộc Trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý.

Trong thời gian qua, với chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tế, số sinh viên của Trường có việc làm đúng ngành đào tạo ngay năm đầu sau tốt nghiệp luôn đạt tỉ lệ cao: từ 78,7% đến 83%; tỉ lệ sinh viên làm việc trái ngành đào tạo chiếm khoảng 4,9% đến 10,8% mỗi năm.

Trường Cao đẳng Hải Dương được sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương theo Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương. Trường Cao đẳng Hải Dương, tiền thân là Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Dương, có truyền thống xây dựng và phát triển 63 năm, là cơ sở đào tạo giáo viên uy tín trong tỉnh và trên toàn quốc. Nhà trường có thế mạnh, uy tín về đào tạo các mã ngành sư phạm trình độ cao đẳng, có đủ điều kiện về đội ngũ để đào tạo các mã ngành sư phạm trình độ đại học. Mặt khác, nhà

trường hiện nay có hệ thống các trường thực hành sư phạm từ mầm non đến phổ thông đảm bảo cho việc thực hành, thực tập, rèn nghề của sinh viên sư phạm.

Sau khi Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, bộ máy tổ chức, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu của nhà trường hoàn toàn đáp ứng được việc đào tạo giáo viên trình độ đại học ở các ngành, trong đó có ngành Sư phạm Ngữ văn.

2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Nhà trường có hơn 400 cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động, trong đó có 33 Tiến sĩ về khoa học giáo dục. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của nhà trường đang phát triển nhanh và bền vững, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt. Ngoài ra, nhà trường có mời một số giảng viên thỉnh giảng có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn từ các cơ sở đào tạo đại học và các cơ quan, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhà trường được tỉnh cho phép và đang tích cực mời các nhà khoa học cùng các chuyên gia ở trong và ngoài nước; đặc biệt là những người đang sinh sống ở tỉnh Hải Dương và Hà Nội tham gia giảng dạy, hợp tác nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, học liệu phù hợp với thực tiễn của Hải Dương và các tỉnh, thành phố lân cận.

3. Các ngành đào tạo

Giai đoạn từ 2019 đến nay, Trường Đại học Hải Dương tập trung tổ chức tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học,... cụ thể:

* Trình độ Thạc sĩ, gồm 02 ngành:

1. Kế toán
2. Quản lí kinh tế

* Trình độ đại học, gồm 12 ngành:

1. Kế toán
2. Quản trị kinh doanh
3. Tài chính - Ngân hàng
4. Quản trị văn phòng
5. Chăn nuôi
6. Công nghệ thông tin
7. Kĩ thuật điện
8. Phát triển nông thôn
9. Chính trị học
10. Kinh tế
11. Ngôn ngữ Anh
12. Quản trị dịch vụ Du lịch & Lữ hành

4. Tổ chức dạy và học

Đào tạo theo học chế tín chỉ:

- Nhà trường đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ đối với trình độ đại học từ năm học 2011 - 2012;

- Học viên, sinh viên, giảng viên và cán bộ quản lí đã thích ứng với việc giảng dạy và học tập theo học chế tín chỉ.

Đổi mới cách dạy và học:

- Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng các học phần kiến thức ngoại ngữ, tin học và các kĩ năng bổ trợ, cập nhật kiến thức cho các học phần hàng năm;

- Xây dựng và triển khai ngân hàng đề thi, đẩy mạnh chống gian lận trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí đào tạo

Trường đã ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong việc quản lí các hoạt động, các dữ liệu được số hóa. Nhà trường hợp đồng với VNPT Hải Dương đặt mạng Internet cáp quang với tốc độ đường truyền 200MbPs. Xây dựng, triển khai, duy trì hệ thống mạng LAN và wifi phủ kín toàn trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống máy chủ để cài đặt phần mềm đào tạo, các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng. Sử dụng Google Meet và Microsoft Tearm trong công tác đào tạo trực tuyến. Sử dụng hệ thống email đồng bộ, giúp cho việc ban hành văn bản nhanh, kịp thời.

6. Kiểm định chất lượng

Năm học 2020 - 2021, Trường đã hoàn thành tự đánh giá cơ sở giáo dục. Báo cáo Tự đánh giá đã được Cục Quản lí chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) chấp thuận và đồng ý triển khai các bước đánh giá ngoài (6/2020). Trường đã đăng kí kiểm định chất lượng, kí hợp đồng với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) để thực hiện đánh giá ngoài. CEA-AVU&C đã thực hiện khảo sát sơ bộ (15/11/2020), khảo sát chính thức (19/11/2020 - 24/11/2020) để phục vụ đánh giá ngoài. Kết quả, Trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (Giấy chứng nhận số CSGD2021.04/CEA-AVU&C cấp ngày 26/5/2021).

7. Về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất: Hiện tại Trường Đại học Hải Dương có 04 cơ sở đào tạo:

- Trụ sở chính (cơ sở 1): Khu đô thị phía Nam, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích đất được giao 294.903,2 m^2 (bao gồm cả khu Kí túc xá sinh viên).

- Cơ sở 2: Số 42, đường Nguyễn Thị Duệ (20.108 m^2) và số 250 đường Nguyễn Lương Bằng (4962,4 m^2), phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Cơ sở 3: Khu 8, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (19.813 m^2).

- Cơ sở 4: Khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (15.523,4 m^2).

Theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 - 2025) ước tính từ 200 tỉ đồng đến 250 tỉ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc,… khang trang, hiện đại.

8. Giới thiệu về đơn vị chuyên môn quản lí ngành Sư phạm Ngữ văn

Đơn vị chuyên môn quản lí ngành Sư phạm Ngữ văn có tiền thân là khoa Xã hội của Trường Cao đẳng Hải Dương. Quá trình hình thành và phát triển của khoa có thể chia thành ba giai đoạn chính.

Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1996, khoa đào tạo theo địa chỉ các đơn ngành Cao đẳng Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử khoảng 150 đến 200 sinh viên mỗi năm. Khoa cũng tham gia bồi dưỡng giáo viên trình độ 10 + 3 lên trình độ Cao đẳng, trung bình 100 học viên/ lượt. Trong thời gian này, khoa đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách về đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất,... để khẳng định được vai trò, vị thế của mình; đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh Hải Dương, tinh Hưng Yên và nhiều tỉnh khác.

Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2010, do nhu cầu của việc dạy học tích hợp đối với các môn khoa học xã hội ở các trường THCS trong tỉnh, đồng thời nhằm giải quyết thực trạng giáo viên phải dạy "chéo môn", dạy môn không được đào tạo, khoa đã chuyển hướng đào tạo từ đơn ngành thành song ngành, với một số mã ngành đào tạo mang tính tích hợp như Văn - Sử, Văn - Địa, Văn - Giáo dục công dân. Sau đó phát triển thêm ngành Sử - Giáo dục công dân, Địa - Giáo dục công dân. Bên cạnh đó, khoa bắt đầu đào tạo một số ngành ngoài sư phạm như Việt Nam học, Quản lí văn hóa, Thư viện Thông tin, thể hiện việc khoa bắt kịp với sự chuyển biến của xã hội và hội nhập với xu thế chung của các trường Cao đẳng và Đại học là đào tạo theo nhu cầu. Đây cũng là giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn của khoa khi chỉ tiêu đào tạo sinh viên ngành sư phạm giảm dần. Được sự tín nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương, giảng viên của khoa đã tham gia vào đội ngũ cốt cán thay sách giáo khoa Ngữ văn THCS (năm 2000) do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay, khoa tiếp tục đào tạo các ngành sư phạm và ngoài sư phạm; đảm nhiệm một số học phần khoa học xã hội ở ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Tiếng Anh. Không chỉ vậy, khoa còn mở rộng đối tượng đào tạo, bồi dưỡng đến các cán bộ làm nghề Công tác xã hội ở Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Cai nghiện thuộc 12 huyện, thị và thành phố. Số lượng cán bộ được bồi dưỡng nghề Công tác xã hội trong 5 năm khoảng 1500 người. Song song với công tác bồi dưỡng nghề Công tác xã hội, khoa có nhiệm vụ

đào tạo nghề Công tác xã hội trình độ trung cấp. Hai khóa đào tạo với số lượng gần 100 học sinh đã đáp ứng nhu cầu chuẩn hóa cán bộ làm công tác xã hội ở các địa phương trong tỉnh. Các giảng viên dạy môn Ngữ văn trong khoa còn phụ trách hai khóa đào tạo tiếng Việt cho học viên và học sinh tỉnh Viêng Chăn (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào) sang học tập tại tỉnh Hải Dương theo chương trình hợp tác giữa tỉnh Hải Dương và tỉnh Viêng Chăn. Những kinh nghiệm dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là điều kiện để mở rộng đối tượng đào tạo của khoa khi có cơ hội hợp tác quốc tế. Khoa cũng cung cấp nguồn nhân lực cho hai trường THCS Chu Văn An và trường THPT Chu Văn An. Các giảng viên trong khoa được giao nhiệm vụ ở trường THCS và THPT đều nỗ lực "làm mới" mình để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục phổ thông.

Ở mỗi giai đoạn nói trên, các giảng viên trong khoa luôn chủ động, tích cực tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp. So với các khoa khác trong nhà trường, khoa Xã hội có số lượng giảng viên học nghiên cứu sinh nhiều nhất. Đến nay, 06 đồng chí đi học nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án và đạt học vị Tiến sĩ. Các giảng viên của khoa không chỉ đăng kí đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường mà còn là thành viên, chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, có kết quả nghiệm thu đều đạt loại Giỏi, loại Xuất sắc.

Như vậy, bằng quá trình đào tạo bài bản có nền tảng là sự tâm huyết và sáng tạo của các thầy cô, từ khi thành lập cho đến nay, trải qua ba giai đoạn hoạt động, khoa Xã hội đã làm tròn sứ mệnh của mình là đào tạo nhiều thế hệ giáo viên trung học cơ sở với chất lượng cao. Nhiều sinh viên của khoa trưởng thành, sau một số năm trải nghiệm nghề nghiệp đã đảm nhiệm cương vị hiệu trưởng ở các trường THCS hoặc công tác ở các Vụ, Viện, Hội Nhà báo, Ban Quản lí Di tích,... Với những thành tích này, khoa nhiều lần được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen.

Sau khi Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, khoa Xã hội của Trường Cao đẳng Hải Dương kết hợp với một bộ phận của khoa Khoa học cơ bản Trường Đại học Hải Dương để tổ chức thành khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội. Với bề dày, thương hiệu trong quản lí, đào tạo giáo viên các ngành Khoa học Xã hội (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân,...) trình độ cao đẳng, khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội của Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể làm tốt chức năng quản lí, đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học.

PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Sự phù hợp với nhu cầu đào tạo, nhu cầu nhân lực

Trong báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022, triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay toàn quốc có 86,1% giáo viên THCS và 99,9% giáo viên THPT đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019. Mặt khác, theo báo cáo tại phiên giải trình do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục tổ chức ngày 25 tháng 02 năm 2022, cả nước thiếu 14.653 giáo viên THCS, 11.133 giáo viên THPT. Về cơ bản, tỉ lệ và số liệu này cho thấy đội ngũ giáo viên chưa hẳn đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng giáo viên trung học thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trước tình hình thiếu giáo viên, ngày 02 tháng 8 năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 3585/BGDĐT-NGCBQLGD gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai tuyển dụng biên chế giáo viên mầm non, phổ thông theo Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 18 tháng 7 năm 2022. Cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo khẩn trương triển khai tổ chức tuyển dụng 27.850 biên chế giáo viên mầm non và phổ thông bổ sung cho các tỉnh, thành phố năm học 2022 - 2023. Mặt khác, trong định hướng chiến lược đào tạo giáo viên, từ năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao chỉ tiêu đào tạo sư phạm theo nhu cầu của các địa phương. Năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao 69.630 chỉ tiêu cho 102 trường đào tạo giáo viên trên cả nước, nếu so với năm 2019 thì chỉ tiêu năm 2020 tăng tương đương 64% (năm 2019 là 44.076 chỉ tiêu). Việc giao tăng chỉ tiêu này nhằm đảm bảo lộ trình thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Do đó, đào tạo giáo viên trung học nói chung, giáo viên Ngữ văn trình độ đại học nói riêng trong những cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện bảo đảm chất lượng là việc làm phù hợp để giải quyết bài toán thực tế và thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước.

Hải Dương, xét về vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên, nằm ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Hồng, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), tiếp giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Hưng Yên và thành phố cảng Hải Phòng; có tiềm năng lớn về sản xuất vật liệu xây dựng, như đá vôi, đất sét, cao lanh, quặng bô-xít,... Ở khía cạnh hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng, Hải Dương có các tuyến đường bộ (quốc lộ 5A, 188, 18,...), đường sắt (tuyến Hà Nội - Hải Phòng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa qua bảy trạm trên dọc tuyến đường), đường thủy (tuyến đường thủy dài 400 km rất thuận tiện cho việc vận chuyển của các loại tàu bè có trọng tải khoảng 500 tấn); gần hai sân bay - sân bay quốc tế Nội Bài Hà Nội và sân bay Cát Bi Hải Phòng. Hải Dương cũng nổi bật ở phương diện văn hóa tâm linh với 1.098 khu di tích lịch sử, trong đó có 133 di tích quốc gia và nhiều khu

di tích được xếp hạng đặc biệt quốc gia như Côn Sơn, Kiếp Bạc… Như vậy, Hải Dương là tỉnh hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... Đầu tư giáo dục và đào tạo nhằm ổn định và phát triển các yếu tố nói trên cho vùng đất là phên giậu phía đông của kinh thành Thăng Long xưa, thủ đô Hà Nội nay.

Kết quả cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2021 cho biết dân số Hải Dương là 1.936.774 người, mật độ dân số 1.161 người/km^2, đứng thứ tám trong cả nước. Với một tỉnh đông dân, mật độ dân số cao như Hải Dương thì vấn đề giáo dục đào tạo luôn luôn được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm.

Theo thống kê, năm học 2022 - 2023, Hải Dương có 26.815 giáo viên, cán bộ quản lí khối công lập, gồm 22.559 người trong diện biên chế, còn lại là hợp đồng. Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 của khối THPT đạt 100%, THCS đạt 93,5%, Tiểu học đạt 95,7%, Mầm non đạt 97%. So với nhu cầu giáo viên để thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới, năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh Hải Dương thiếu 3.794 giáo viên các cấp, 1.194 giáo viên cấp THCS và THPT, trong đó có giáo viên Ngữ văn.

Như vậy, ngoài việc bổ sung cho những nơi hiện đang thiếu giáo viên Ngữ văn, bổ sung cho những giáo viên Ngữ văn hiện nay sắp hết tuổi công tác thì việc cung cấp nguồn giáo viên Ngữ văn có trình độ đại học để đáp ứng cho quy mô học sinh THCS, THPT tăng lên trong những năm tới là rất quan trọng. Do đó, khi khảo sát nhu cầu người học và nhà tuyển dụng tại các trường THCS, THPT, 100% ý kiến cho rằng cần thiết có cơ sở đào tạo giáo viên trung học nói chung, giáo viên Ngữ văn nói riêng trên địa bàn tỉnh để kịp thời bổ sung số giáo viên còn thiếu của các trường phổ thông, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2030.

Trong thời gian tới, tỉnh Hải Dương tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, chỉ đạo của ngành, Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, trong đó có chương trình dạy học môn Ngữ văn ở THCS, THPT. Chính vì vậy, Trường Đại học Hải Dương nhận thấy việc mở ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học là xu hướng tất yếu, phù hợp với nhhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hải Dương cũng như của khu vực Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

1.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Mục tiêu phát triển Trường Đại học Hải Dương sau sáp nhập thành trường đại học trọng điểm của tỉnh Hải Dương và khu vực Đồng bằng sông Hồng là một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục Hải Dương. Việc đào tạo sinh viên Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học cho phép tận dụng tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao của trường Đại học Hải Dương, đặc biệt là đội ngũ giảng viên sư phạm. Không chỉ vậy, nó còn nâng cao vị thế của trường Đại học Hải Dương tại tỉnh Hải Dương và khu vực, góp phần đưa trường Đại học Hải Dương trở thành đại học trọng điểm định hướng nghiên cứu đa ngành, trong đó có một

số ngành mũi nhọn, tạo điều kiện hội nhập sâu rộng vào cộng đồng giáo dục đại học trong nước, quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Từ những lí do nêu trên, Trường Đại học Hải Dương xét thấy việc mở ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học là hoàn toàn cần thiết.

2. Khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành của cơ sở đào tạo

Thực hiện Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các quy định pháp lí hiện hành có liên quan, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở mã ngành đào tạo, cụ thể như sau:

Nhà trường đã cho khảo sát, phân tích về nhu cầu sử dụng giáo viên Ngữ văn trung học ở hiện tại và tương lai của tỉnh Hải Dương và các tỉnh khác trong khu vực, trên toàn quốc để làm rõ sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo.

Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường đã tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng Trường Đại học Hải Dương về chủ trương mở ngành đào tạo, Hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo xây dựng đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn: xây dựng chương trình đào tạo, thẩm định chương trình đào tạo, kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành.

Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường Đại học Hải Dương đã tổ chức thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học, trong đó đã xem xét, đánh giá kĩ điều kiện thực tế của Trường Đại học Hải Dương về mở ngành: tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lí đối với ngành đào tạo đề xuất mở. Kết quả thẩm định của Hội đồng Khoa học - Đào tạo cho thấy Trường Đại học Hải Dương có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định.

Trên cơ sở Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường thông qua chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã kí quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học, mã số 7140217.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo luôn là thế mạnh của Trường Đại học Hải Dương. Nội dung chương trình đào tạo của các ngành đào tạo hiện nay của nhà trường thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, tăng cường thực hành nghề nghiệp, đảm bảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hải Dương thường xuyên tiếp cận với chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn và khu vực, gắn với thực tiễn để đào tạo phù hợp với nhu cầu của người học, với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các ngành đào tạo đều được xây dựng chuẩn đầu ra, làm thước đo cho việc đào tạo. Các hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp học tập, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng của xã hội... được thực hiện cả ở cấp khoa và trường. Nội dung, chương trình đào tạo được triển khai theo hướng tăng cường rèn năng lực nghiệp nghề đã giúp sinh viên ra trường làm được việc ngay, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học của nhà trường cụ thể như sau:

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Ngữ văn
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Philology Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140217
Khoa quản lí chương trình:	Ngữ văn và Khoa học Xã hội
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	125
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 125 tín chỉ; - Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; - Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm

Vị trí việc làm:	- Giảng dạy môn Ngữ văn tại các trường THCS, THPT; - Làm chuyên viên ở các cơ sở giáo dục; - Làm chuyên viên ở các viện nghiên cứu (Viện Ngôn ngữ, Viện Văn học,...); - Giảng dạy Ngữ văn tại các trường Cao đẳng, Đại học sau khi học bổ sung kiến thức, học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và ngoài nước
Chương trình đào tạo tham khảo:	- Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Ngữ văn Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Ngữ văn Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên.

CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành

đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương;

- Quyết định số 362/QĐ-ĐHHD ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Ngữ văn có mục tiêu đào tạo được một đội ngũ giáo viên Ngữ văn tại các trường trung học, chuyên viên phụ trách chuyên môn Ngữ văn tại các cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu Ngữ văn tại các cơ quan văn hóa thuộc tỉnh Hải Dương và trong cả nước.

Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức, kĩ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lí luận, thực tiễn dạy học, nghiên cứu Ngữ văn; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời; có ý thức phục vụ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học Ngữ văn và các kiến thức liên ngành khoa học xã hội và nhân văn.

PO2: Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học giáo dục, phương pháp dạy học Ngữ văn.

PO3: Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn và khoa học giáo dục.

PO4: Sử dụng thành thạo các kĩ năng dạy học Ngữ văn: lập kế hoạch dạy học Ngữ văn, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn, kiểm tra đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh.

PO5: Có năng lực phát triển chương trình Ngữ văn, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn Ngữ văn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PO6: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học giáo dục và khoa học Ngữ văn.

PO7: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và ngoại ngữ trong dạy học Ngữ văn.

PO8: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lí thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO9: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO10: Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt.

PO11: Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra

2.1.1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện vào dạy học Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về văn học, văn hóa, ngôn ngữ để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Ngữ văn; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

2.1.2. Về kĩ năng

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

PLO9: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PLO10: Vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Ngữ văn cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

PLO12: Vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Sử dụng linh hoạt kĩ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học Ngữ văn và trong cuộc sống.

2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Chức danh nghề ghiệp / **Môi trường làm việc**	Giáo viên, nghiên cứu viên	Viên chức, cán bộ	Chuyên viên, nhà báo, biên tập viên	Phóng viên, biên tập viên	Giảng viên	Cán bộ hướng dẫn viên
Các cơ sở giáo dục phổ thông	2	0	0	0	0	0
Các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản	0	2	1	0	0	0
Cơ quan quản lí giáo dục, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục	0	2	2	0	0	0
Các cơ sơ nghiên cứu Ngôn ngữ, Văn học	2	2	2	0	0	2
Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	0	2	0
Lĩnh vực Báo chí	1	1	1	2	0	1

Khu di tích lịch sử văn hóa và danh thắng	1	2	2	1	0	2

Chú giải:

0	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng
1	Người học có thể làm được; người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
2	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp

2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Sư phạm Ngữ vănttiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học các chuyên ngành: Lí luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lí luận ngôn ngữ, Phương pháp dạy học Ngữ văn, Văn hoá học v.v… ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

*** MA TRẬN TÍCH HỢP MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Tích "X" vào các ô tương thích)

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo										
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
PLO1 (KT)	X	X									
PLO2 (KT)	X	X									
PLO3 (KT)	X	X									
PLO4 (KT)	X	X									
PLO5 (KT)	X	X									
PLO6 (KT)	X	X									
PLO7 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO8 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO9 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO10 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO11 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO12 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO13 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO14 (MĐTC&TN)									X	X	X
PL015 (MĐTC&TN))									X	X	X
PL016									X	X	X

(MĐTC&TN)											
Tổng	**6**	**6**	**7**	**7**	**7**	**7**	**7**	**7**	**3**	**3**	**3**

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học có khối lượng học tập là 125 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học gồm 125 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ, có tỉ lệ 19,2%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 101 tín chỉ, có tỉ lệ 80,8%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (26 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 25,74% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (56 tín chỉ: 50 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ tự chọn; chiếm 55,45% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm (12 tín chỉ; chiếm 11,88% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 6,93% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức	Loại học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương *(Không tính các học phần GDTC và GDQP - AN)*		**24 tín chỉ**
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		**101 tín chỉ**

2.1. Kiến thức cơ sở ngành		***26 tín chỉ***
	+ Bắt buộc	24 tín chỉ
	+ Tự chọn	2 tín chỉ
2.2. Kiến thức chuyên ngành		***56 tín chỉ***
	+ Bắt buộc	50 tín chỉ
	+ Tự chọn	6 tín chỉ
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm		***12 tín chỉ***
2.4. Khoá luận tốt nghiệp/ học phần thay thế		***7 tín chỉ***
TỔNG SỐ		**125 tín chỉ**

5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương *(Không tính các môn GDTC và GDQP và AN)*			**24**				
Lí luận chính trị			***11***				
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	32	26	92	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	18	61	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	61	
4	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	61	
5	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	18	61	
Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh							
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	1	3	27	20	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	54	40	
8	ME008	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1		37	8		

9	ME009	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2		22	8		
10	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		14	16		
11	ME011	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		4	56		
Ngoại ngữ			***7***				
12	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
13	EN013	Tiếng Anh 2	4	30	60	110	
Khoa học Tự nhiên			***2***				
14	IT014	Tin học đại cương	2	15	30	55	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			***4***				
15	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	18	61	
16	EDU016	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	21	18	61	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**101**				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			**26**				
Các học phần bắt buộc			***24***				
17	PSE117	Tâm lí học	3	30	30	90	
18	PSE118	Giáo dục học	3	30	30	90	
19	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	20	60	
20	HIS120	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	20	60	
21	LIN121	Từ Hán Việt	2	15	30	55	
22	LIT122	Văn bản học	2	20	20	60	
23	LIN123	Tiếng Việt thực hành	2	15	30	55	
24	LIN124	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	15	30	55	
25	LIT125	Nhập môn lí luận văn học	2	20	20	60	
26	LIT126	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	20	20	60	
27	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	55	

Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)			***2***				
28.1	AES328.1	Mĩ học đại cương	2	20	20	60	
28.2	EDU328.2	Giáo dục môi trường	2	20	20	60	
28.3	PSE328.3	Giao tiếp sư phạm	2	15	30	55	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			**56**				
Các học phần bắt buộc			***50***				
29	LIT229	Văn học dân gian Việt Nam	3	30	30	90	
30	LIT230	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	2	20	20	60	
31	LIT231	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	2	20	20	60	
32	LIT232	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	2	20	20	60	
33	LIT233	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2	20	20	60	
34	LIT234	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	2	20	20	60	
35	LIT235	Văn học phương Đông	3	30	30	90	
36	LIT236	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	3	30	30	90	
37	LIT237	Văn học Nga	2	20	20	60	
38	LIN238	Ngữ âm tiếng Việt	2	15	30	55	
39	LIN239	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	15	30	55	
40	LIN240	Ngữ pháp tiếng Việt	3	30	30	90	
41	LIN241	Phong cách học tiếng Việt	2	15	30	55	
42	LIN242	Ngữ dụng học	2	15	30	55	
43	LIT243	Đọc hiểu văn bản	2	15	30	55	
44	LIT244	Tạo lập văn bản	2	15	30	55	
45	TMT245	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	3	15	60	75	

46	TMT246	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	3	15	60	75	
47	TMT247	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	2	15	30	55	
48	TMT248	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	2	15	30	55	
49	TMT249	Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn	2	15	30	55	
50	TMT250	Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông	2	15	30	55	
Các học phần tự chọn			***6***				
Tự chọn 1 (Chọn 1 trong các học phần)			*2*				
51.1	LIT351.1	Văn học và các loại hình nghệ thuật	2	15	30	55	
51.2	LIT351.2	Thi pháp Truyện Kiều	2	15	30	55	
51.3	LIT351.3	Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	2	15	30	55	
Tự chọn 2 (Chọn 1 trong các học phần)			*2*				
52.1	LIN352.1	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	2	15	30	55	
52.2	LIN352.2	Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	2	15	30	55	
52.3	LIN352.3	Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam	2	15	30	55	
Tự chọn 3 (Chọn 1 trong các học phần)			*2*				
53.1	TMT353.1	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	2	15	30	55	

53.2	TMT353.2	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	2	15	30	55	
53.3	TMT353.3	Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	2	15	30	55	
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			**12**				
54	TMT254	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	15	30	55	
55	TMT255	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	15	30	55	
56	TMT256	Thực tập sư phạm 1	2		120		
57	TMT257	Thực tập sư phạm 2	6		360		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế			**7**				
Khóa luận tốt nghiệp			***7***				
58A		Khóa luận tốt nghiệp	7				
Học phần thay thế			***7***				
58B.1	LIT458B.1	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	2	15	30	55	
58B.2	LIN458B.2	Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT	3	30	30	90	
58B.3	TMT458B.3	Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	2	15	30	55	
		Tổng cộng	**125**				

5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Học phần	**Chuẩn đầu ra của CTĐT**															
	Kiến thức						**Kĩ năng**							**Mức độ tự chủ và trách nhiệm**		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
Triết học Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0	0
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0

Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục thể chất 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Quản lí HCNN và quản lí ngành GDĐT	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tâm lí học	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	2	1	0
Giáo dục học	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử văn minh thế giới	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Từ Hán Việt	1	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	1	3	3
Văn bản	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2

Tiếng Việt thực hành	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Dẫn luận ngôn ngữ học	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Nhập môn lí luận văn học	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Tác phẩm văn học và thể loại văn học	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Phương pháp nghiên cứu khoa học	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Mĩ học đại cương	2	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	0	1	2	0
Giáo dục môi trường	2	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	0	1	2	0
Giao tiếp sư phạm	0	3	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	3	3	0
Văn học dân gian Việt Nam	0	0	3	3	3	1	2	2	1	3	3	3	3	1	3	2
Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Văn học phương Đông	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2

Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
Văn học Nga	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
Ngữ âm tiếng Việt	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Ngữ pháp tiếng Việt	0	1	3	3	3	2	3	2	1	2	3	3	3	1	3	2
Phong cách học tiếng Việt	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Ngữ dụng học	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Đọc hiểu văn bản	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	1	1	1
Tạo lập văn bản	1	1	3	3	3	2	2	3	0	2	2	3	3	1	3	3
Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2

văn phổ thông																
Văn học và các loại hình nghệ thuật	1	1	3	3	3	1	1	0	0	2	2	1	2	1	2	2
Thi pháp Truyện Kiều	0	1	3	3	3	2	3	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	0	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	2	3	0	3	1
Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	1	1	1
Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2

trường phổ thông																
Nghiệp vụ sư phạm 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Nghiệp vụ sư phạm 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực tập sư phạm 1	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực tập sư phạm 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Khóa luận tốt nghiệp	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.

(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CĐR)

5.2.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học thực hiện trong 04 năm - 08 học kì, trong đó học kì 1 với 17 tín chỉ, học kì 2 là 18 tín chỉ, học kì 3 với 17 tín chỉ, học kì 4 là 12 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 15 tín chỉ, học kì 7 với 14 tín chỉ, học kì 8 là 15 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Kì I			**17**	
Bắt buộc			***17***	
1	PLO001	Triết học Mác - Lênin	3	
2	PE006	Giáo dục thể chất 1		
3	EN012	Tiếng Anh 1	3	
4	PSE117	Tâm lí học	3	
5	PSE118	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	

6	LIT125	Nhập môn lí luận văn học	2	
7	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
8	HIS120	Lịch sử văn minh thế giới	2	
Kì II			**18**	
Bắt buộc			***18***	
1	PLO002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
2	PE007	Giáo dục thể chất 2		
3	IT014	Tin học đại cương	2	
4	PSE118	Giáo dục học	3	
5	LIT122	Văn bản học	2	
6	LIN123	Tiếng Việt thực hành	2	
7	LIT126	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	
8	LIT229	Văn học dân gian Việt Nam	3	
9	LIN238	Ngữ âm tiếng Việt	2	
Kì III			**17**	
Bắt buộc			***15***	
1	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	EN013	Tiếng Anh 2	4	
3	LIT230	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	2	
4	LIN121	Từ Hán Việt	2	
5	LIT235	Văn học phương Đông	3	
6	LIN239	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	
Tự chọn			***2***	
7.1	AES328.1	Mĩ học đại cương	2	
7.2	EDU328.2	Giáo dục môi trường	2	
7.3	PSE328.3	Giao tiếp sư phạm	2	
Kì IV			**12**	
Bắt buộc			***12***	
1	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	PSY015	Pháp luật đại cương	2	
3	ME008	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1		
4	ME009	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2		
5	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		
6	ME011	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		

7	LIT231	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	2	
8	LIT236	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	3	
9	LIN240	Ngữ pháp tiếng Việt	3	
Kì V			**17**	
Bắt buộc			***17***	
1	PO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
2	LIT232	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	2	
3	LIN241	Phong cách học tiếng Việt	2	
4	LIT243	Đọc hiểu văn bản	2	
5	LIT244	Tạo lập văn bản	2	
6	TMT245	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	3	
7	TMT249	Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn	2	
8	TMT254	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	
Kì VI			**15**	
Bắt buộc			***13***	
1	LIT233	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2	
2	LIT237	Văn học Nga	2	
3	LIN242	Ngữ dụng học	2	
4	TMT246	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	3	
5	TMT248	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	2	
6	TMT256	Thực tập sư phạm 1	2	
Tự chọn			***2***	
7.1	LIT351.1	Văn học và các loại hình nghệ thuật	2	
7.2	LIT351.2	Thi pháp Truyện Kiều	2	
7.3	LIT351.3	Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	2	
Kì VII			**14**	
Bắt buộc			***10***	
1	EDU016	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	
2	LIT234	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	2	
3	TMT247	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	2	

4	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
5	TMT255	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	
Tự chọn 2			***2***	
6.1	LIN352.1	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	2	
6.2	LIN352.2	Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	2	
6.3	LIN352.3	Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam	2	
Tự chọn 3			***2***	
7.1	TMT353.1	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	2	
7.2	TMT353.2	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	2	
7.3	TMT353.3	Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	2	
Kì VIII			**15**	
Bắt buộc			***15***	
1	TMT250	Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông	2	
2	TMT257	Thực tập sư phạm 2	6	
3.1		Khóa luận tốt nghiệp	7	
3.2		Thay thế khóa luận tốt nghiệp	7	
3.2.1	LIT458B.1	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	2	
3.2.2	LIN458B.2	Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT	3	
3.2.3	TMT458B.3	Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	2	

5.2.4. Mô tả học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kĩ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy

vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra

đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (1 tín chỉ)

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

7. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (2 tín chỉ)

(*Tự chọn 01 trong 07 học phần: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông)*

Đá cầu

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các học phần giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thần tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

Bóng chuyền

Học phần Bóng chuyền trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, kĩ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

Bóng đá

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lí thực hiện kĩ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kĩ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

Bóng rổ

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kĩ thuật cơ bản về di chuyển, chuyền và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

Võ thuật Vovinam

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy học phần làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

Aerobic

Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung học phần bao gồm: lí thuyết Aeroic, kĩ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.

Cầu lông

Cầu lông là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kĩ năng cơ bản, giảng dạy các kĩ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỉ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt bổ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

8. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1 (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

10. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu;

tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

11. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4 (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

12. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kĩ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

13. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

14. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lí lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong

Microsoft Word; Định dạng và xử lí dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

15. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lí cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

16. QUẢN LÍ HÀNH CHÍNH NN VÀ QUẢN LÍ NGÀNH GDĐT (2 tín chỉ)

Học phần Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật,...); quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lí Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo). Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

17. TÂM LÍ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lí: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lí; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lí, chức năng vai trò của tâm lí đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể, từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lí về sự phát triển tâm lí, quy luật phát triển tâm lí ở con người và các đặc điểm tâm lí điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lí của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

18. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực

căn bản trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học, năng lực sư phạm như tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

19. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại (tiến trình văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa Việt Nam); chỉ rõ loại hình văn hóa Việt Nam, các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam và nội hàm của các yếu tố đó. Làm sáng tỏ văn hóa Việt Nam là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do các thế hệ người Việt Nam tạo nên trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội và con người: Tác động đến tự nhiên như: ăn, ở, mặc..; Tác động đến xã hội như: phong tục tập quán, tôn giáo, triết học, đạo đức...; Tác động đến chính con người: các giá trị như Chân Thiện Mĩ. Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

20. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử phát sinh, phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời cổ, trung đến cận hiện đại với những nội dung cơ bản: các điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh.

21. TỪ HÁN VIỆT (2 tín chỉ)

Từ Hán Việt là học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về từ ngữ Hán Việt và vấn đề dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông. Các năng lực mà người học được rèn luyện qua bộ môn này là năng lực nhận diện từ ngữ Hán Việt, năng lực phân tích từ ngữ Hán Việt, kĩ năng mở rộng vốn từ ngữ Hán Việt, kĩ năng sử dụng từ ngữ Hán Việt. Việc rèn luyện những năng lực trên góp phần giúp cho người học có thể nhận diện, khảo sát, tổng hợp, phân tích và sử dụng từ ngữ Hán Việt một cách tốt nhất, qua đó thấy được những vai trò và giá trị phong cách của từ ngữ Hán Việt trong các tác phẩm, văn bản nói riêng, trong tiếng Việt nói chung.

22. VĂN BẢN HỌC (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được các khái niệm và biết cách vận dụng khái niệm để nhận diện các hiện tượng văn bản thường gặp. Trên cơ sở đó nhằm giúp cho sinh viên có ý thức về những việc mình sẽ phải làm, phải chú ý khi viết một văn bản. Học phần Văn bản học kết hợp với học phần Tạo lập văn bản để tăng cường hiệu quả học tập lí thuyết và thực hành văn bản.

23. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiếng Việt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản), những nguyên tắc sử dụng tiếng Việt, rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng

tiếng Việt trong khi nói và viết (kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kĩ năng viết đoạn văn, kĩ năng viết câu trong văn bản, kĩ năng dùng từ, kĩ năng sử dụng chữ viết…).

24. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC (2 tín chỉ)

Dẫn luận ngôn ngữ học là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống thuật ngữ, khái niệm ngôn ngữ học và năng lực vận dụng hệ thống thuật ngữ đó để nhận diện, miêu tả, phân tích một ngôn ngữ cụ thể. Từ đó học phần hướng tới hình thành ở người học ý thức trân trọng ngôn ngữ của loài người và tiếng mẹ đẻ; ý thức sử dụng ngôn ngữ văn hóa trong giao tiếp; thái độ nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học.

25. NHẬP MÔN LÍ LUẬN VĂN HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Nhập môn lí luận văn học giới thiệu khái quát nội dung, tính chất, phương pháp nghiên cứu của bộ môn Nhập môn lí luận văn học; giúp sinh viên hiểu được bản chất thẩm mĩ của văn học, mối quan hệ giữa văn học và cuộc sống con người, văn học là nghệ thuật ngôn từ, vai trò của người nghệ sĩ với quá trình sáng tạo văn học, vai trò của người đọc với việc tiếp nhận, thưởng thức và phê bình văn học, chức năng của văn học; định hướng để sinh viên vận dụng kiến thức của học phần này vào việc dạy Ngữ văn ở trường trung học.

26. TÁC PHẨM VĂN HỌC VÀ THỂ LOẠI VĂN HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Tác phẩm văn học và thể loại văn học đi sâu giới thiệu về cấu trúc chung của tác phẩm văn học (đề tài, chủ đề, ngôn từ, nhân vật, kết cấu văn học và đặc trưng các loại thể văn học), vai trò của từng yếu tố trong tác phẩm và mối quan hệ của chúng trong việc tạo nên chỉnh thể tác phẩm; đồng thời phân tích đặc trưng của từng thể loại văn học. Từ đó định hướng để sinh viên vận dụng kiến thức của học phần này vào việc dạy Ngữ văn ở trường trung học.

27. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kĩ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên khoa học, có kĩ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

28.1. MĨ HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu rõ đối tượng nghiên cứu, ý nghĩa của Mĩ học; về mối quan hệ thẩm mĩ của con người đối với hiện thực; về các phạm trù của khách thể thẩm mĩ gồm cái Đẹp, cái Cao cả, cái Bi và cái Hài; về ý thức thẩm mĩ với các bộ phận hợp thành chủ yếu của nó gồm nhu cầu, cảm xúc, thị hiếu và lí tưởng thẩm mĩ; nghệ thuật - hình thái cao nhất, biểu hiện tập trung nhất của mối quan hệ thẩm mĩ; giáo dục thẩm mĩ và các hình thức cơ bản của giáo dục thẩm mĩ.

28.2. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, về dân số; thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề về ô nhiễm môi trường và sự phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ dân số - tài nguyên - môi trường để từ đó nhận thức được những nội dung về bảo vệ môi trường, cơ sở khoa học của việc bảo vệ môi trường. Đồng thời, người học còn vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong giảng dạy bộ môn ở nhà trường phổ thông và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững.

28.3. GIAO TIẾP SƯ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp sư phạm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kĩ năng giao tiếp sư phạm, kĩ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, kĩ năng giải quyết tình huống sư phạm... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lí tình huống sư phạm...

29. VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và khoa học về văn học dân gian cho sinh viên (quá trình hình thành, các thuật ngữ, khái niệm, đặc trưng, thi pháp thể loại); đồng thời trang bị cho người học năng lực vận dụng kiến thức cơ bản trong việc tiếp cận văn bản văn học dân gian. Từ đó, học phần hướng tới đích hình thành ở người học ý thức về văn hóa dân tộc, hiểu biết sâu sắc đặc thù văn hóa dân tộc có trong văn học dân gian Việt Nam, nhận thức rõ vị trí văn hóa dân tộc trong cộng đồng văn hóa thế giới.

30. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVIII (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức đại cương về văn học trung đại Việt Nam: quan điểm văn học, tiến trình văn học, những đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII. Đồng thời trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam: nghiên cứu văn học trong mối tương quan với các phạm trù lịch sử, tư tưởng, văn hóa thời trung đại; phương pháp dạy học văn học trung đại Việt Nam: giải mã văn học từ mã văn hóa, dạy học văn học từ đặc trưng thi pháp (thi pháp thể loại, thi pháp ngôn ngữ, thi pháp hình tượng, thi pháp nhân vật).

31. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỈ XVIII ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức đại cương về văn học trung đại Việt Nam: quan điểm văn học, tiến trình văn học, những đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX. Đồng thời trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam: nghiên cứu văn học trong mối tương quan với các phạm trù

lịch sử, tư tưởng, văn hóa thời trung đại; phương pháp dạy học văn học trung đại Việt Nam: giải mã văn học từ mã văn hóa, dạy học văn học từ đặc trưng thi pháp (thi pháp thể loại, thi pháp ngôn ngữ, thi pháp hình tượng, thi pháp nhân vật).

32. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1900 ĐẾN 1945 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp tri thức cơ bản về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945: những thành tựu chủ yếu, các trào lưu, khuynh hướng nổi bật; đặc biệt khai thác sự nghiệp văn học, phong cách nghệ thuật, quan điểm sáng tác của một số tác gia tiêu biểu. Từ đó, học phần hướng tới đích hình thành ở người học ý thức trân trọng, yêu mến văn học dân tộc; có tinh thần cầu thị trong quá trình tiếp cận, thấu hiểu tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam, nhận thức rõ vị trí văn hóa dân tộc trong cộng đồng văn hóa thế giới.

33. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN 1975 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp tri thức cơ bản về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975. Chặng đường này cung cấp kiến thức về đặc điểm và sự phát triển của văn học Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ qua một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Từ đó, học phần hướng tới đích hình thành ở người học ý thức trân trọng, yêu mến văn học dân tộc; có tinh thần cầu thị trong quá trình tiếp cận, thấu hiểu tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam, nhận thức rõ vị trí văn hóa dân tộc trong cộng đồng văn hóa thế giới.

34. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp tri thức cơ bản về văn học Việt Nam từ 1975 đến nay. Đây là một thời kì văn học đã diễn ra những biến đổi sâu rộng ở nhiều bình diện. Chặng đường này cung cấp kiến thức về sự đổi mới của văn học Việt Nam qua một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Từ đó, học phần hướng tới đích hình thành ở người học ý thức trân trọng, yêu mến văn học dân tộc; có tinh thần cầu thị trong quá trình tiếp cận, thấu hiểu tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam, nhận thức rõ vị trí văn hóa dân tộc trong cộng đồng văn hóa thế giới.

35. VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG (3 tín chỉ)

Văn học phương Đông bao gồm các nội dung: Văn học Trung Quốc, Văn học Ấn Độ, Văn học Nhật Bản, Văn học các nước Đông Nam Á. Mỗi nền văn học sẽ giới thiệu khái quát và lựa chọn nghiên cứu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Học phần giúp cho sinh viên nắm bắt được tri thức cơ bản về quá trình phát triển của lịch sử văn học thế giới với những thành tựu đỉnh cao, thấy được sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nền văn học cùng giai đoạn, trào lưu, trường phái… cũng như những tác động, ảnh hưởng đến văn học Việt Nam. Vì vậy, bên cạnh cung cấp cho sinh viên những thành tựu nổi bật và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của các nền văn học, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện, nâng cao năng lực cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học nước ngoài, biết so sánh, liên hệ với văn học dân tộc…

36. VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY - MĨ LA TINH (3 tín chỉ)

Văn học phương Tây - Mĩ La tinh bao gồm các nội dung: Văn học Hi Lạp - La Mã, Văn học phương Tây thời Phục hưng, Văn học Pháp - Đức, Văn học Anh - Mĩ. Mỗi nền văn

học sẽ giới thiệu khái quát và lựa chọn nghiên cứu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Học phần giúp cho sinh viên nắm bắt được tri thức cơ bản về quá trình phát triển của lịch sử văn học thế giới với những thành tựu đỉnh cao, thấy được sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nền văn học cùng giai đoạn, trào lưu, trường phái… cũng như những tác động, ảnh hưởng đến văn học Việt Nam. Vì vậy, bên cạnh cung cấp cho sinh viên những thành tựu nổi bật và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của các nền văn học, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện, nâng cao năng lực cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học nước ngoài, biết so sánh, liên hệ với văn học dân tộc…

37. VĂN HỌC NGA (2 tín chỉ)

Văn học Nga giới thiệu khái quát và lựa chọn nghiên cứu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của nền văn học có sự giao thoa giữa văn học phương Đông và phương Tây. Bên cạnh cung cấp cho sinh viên những thành tựu nổi bật và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Nga, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện, nâng cao năng lực cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học nước ngoài, biết so sánh, liên hệ với văn học dân tộc…

38. NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT (2 tín chỉ)

Học phần Ngữ âm tiếng Việt trang bị cho sinh viên hệ thống thuật ngữ, khái niệm ngữ âm tiếng Việt và năng lực vận dụng hệ thống thuật ngữ đó để nhận diện, miêu tả, phân tích kiến thức cơ bản về âm tiết, hệ thống các âm vị tiếng Việt; vấn đề chữ viết, chính âm, chính tả tiếng Việt hiện nay. Từ đó, học phần hướng tới hình thành ở người học ý thức trân trọng tiếng Việt, chữ viết tiếng Việt, thái độ nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học.

39. TỪ VỰNG NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT (2 tín chỉ)

Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống thuật ngữ, khái niệm từ vựng, ngữ nghĩa và năng lực vận dụng hệ thống thuật ngữ đó để nhận diện, miêu tả, phân tích các hiện tượng từ vựng tiếng Việt và định hướng để sinh viên biết vận dụng những kiến thức này vào việc dạy các nội dung có liên quan trong chương trình Ngữ văn trung học. Từ đó học phần hướng tới hình thành ở người học ý thức trân trọng tiếng mẹ đẻ; ý thức sử dụng ngôn ngữ văn hóa trong giao tiếp; thái độ nghiêm túc, khách quan trong học tập và giảng dạy.

40. NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT (3 tín chỉ)

Ngữ pháp tiếng Việt là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lí thuyết cơ bản, hiện đại về ngữ pháp tiếng Việt (bao gồm lí thuyết về hệ thống từ loại, cụm từ, câu tiếng Việt) và các kĩ năng miêu tả, phân tích ngữ pháp như: nhận diện từ loại và phân tích đặc điểm ngữ pháp của từ, phân tích cấu tạo và chức vụ ngữ pháp của cụm từ, phân tích câu từ các bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Từ đó học phần hướng tới hình thành ở người học năng lực vận dụng hệ thống kiến thức và kĩ năng trên vào việc dạy học môn Ngữ văn ở trường THCS và THPT.

41. PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được các khái niệm, các đặc trưng của các phong cách chức năng và nhất là các phương tiện và biện pháp tu từ. Trên cơ sở đó biết cách vận dụng để phân tích cái hay cái đẹp trong các tác phẩm văn chương trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT và biết soạn thảo các văn bản phục vụ trong học tập sinh hoạt.

42. NGỮ DỤNG HỌC (2 tín chỉ)

Ngữ dụng học là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống thuật ngữ, khái niệm cơ bản, hiện đại về ngôn ngữ trong mối quan hệ với người sử dụng và ngữ cảnh xã hội. Cùng với đó, học phần hình thành và phát triển ở người học năng lực vận dụng hệ thống lí thuyết đó để nhận diện, miêu tả, phân tích các sản phẩm của ngôn ngữ gắn với với ngữ cảnh, năng lực áp dụng hệ thống kiến thức và kĩ năng đó vào dạy học đọc hiểu và tạo lập văn bản. Từ đó học phần hướng tới hình thành ở người học ý thức sử dụng ngôn ngữ văn hóa trong giao tiếp; thái độ nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học; ý thức kết nối nghề nghiệp.

43. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (2 tín chỉ)

Đọc hiểu văn bản là học phần bao gồm kiến thức lí thuyết tiếp nhận nghệ thuật nói chung, văn học - nghệ thuật ngôn từ nói riêng và phần thực hành tổng hợp đọc hiểu các tác phẩm văn học phân loại theo phong cách dụng ngữ. Yêu cầu quan trọng nhất của học phần này là lấy nghệ thuật ngôn từ (văn chương) làm mẫu thực hành tiêu biểu để ứng dụng mĩ học tiếp nhận vào tìm hiểu hoạt động tiếp nhận tác phẩm (giao lưu chủ thể sáng tạo và người thụ hưởng, đồng kiến tạo nghệ thuật). Đọc văn là nền tảng của học văn. Học văn là học năng lực cảm thụ văn, bồi dưỡng thị hiếu thẩm mĩ, tiếp nhận kiến thức văn hóa văn, rèn luyện năng lực biểu đạt, sáng tạo văn chương. Thông hiểu hoạt động tiếp nhận và thụ cảm mĩ học qua "đọc văn" hiểu theo nghĩa rộng tạo điều kiện cho hoạt động dạy và học Ngữ văn nói chung, dạy học sáng tác nghệ thuật ngôn từ ở THCS và THPT nói riêng.

44. TẠO LẬP VĂN BẢN (2 tín chỉ)

Tạo lập văn bản là kĩ năng có vị trí đặc biệt quan trọng trong công việc và cuộc sống. Học phần đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn thông qua hệ thống các bài tập tạo lập văn bản cũng như thực hành sử dụng tiếng Việt. Trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông, song song với việc học giải mã các văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, điều hành ở giờ đọc hiểu văn bản, học sinh được học cách tạo lập các kiểu văn bản này trong giờ tập làm văn… với các thao tác chính như kể, tả, biểu cảm, thuyết minh, lập luận. Học phần được xây dựng với mục đích nâng cao, rèn luyện kĩ năng thực hành tạo lập văn bản, nói và viết tiếng Việt. Đây là học phần bao gồm kiến thức lí thuyết làm văn và phần thực hành tổng hợp các kiến thức, kĩ năng của các phần Tiếng Việt, Văn học. Yêu cầu quan trọng nhất của học phần là sinh viên nắm được các lí thuyết cơ bản về tạo lập văn bản nói và viết.

45. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGỮ VĂN 1 (3 tín chỉ)

Học phần đề cập đến những vấn đề chung của phương pháp dạy học Ngữ văn: đặc trưng bộ môn, nguyên tắc, hệ thống cấu trúc năng lực Ngữ văn, phương pháp dạy học, kiểm

tra đánh giá môn Ngữ văn. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên hệ thống lí thuyết về dạy học phát triển năng lực; phương pháp dạy học kĩ năng đọc viết nói nghe; phương pháp để dạy các kiểu bài lí thuyết và thực hành từ ngữ, ngữ pháp, phong cách và ngữ dụng; phương pháp dạy nghe nói; phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực học tập của học sinh theo hướng tích cực hóa người học… Ngoài ra, học phần nâng cao kĩ năng thực hành, cung cấp kiến thức về thiết kế bài dạy và phương pháp dạy các bài cụ thể trong chương trình Ngữ văn ở trường trung học.

46. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGỮ VĂN 2 (3 tín chỉ)

Học phần đề cập đến những vấn đề chung của phương pháp đọc hiểu văn bản trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; cung cấp những tri thức về văn bản và hoạt động đọc văn bản, phương pháp luận giải mã văn bản văn học; hướng dẫn sinh viên cách dạy đọc văn bản trong nhà trường phổ thông và một số chiến thuật giúp học sinh đọc hiểu văn bản. Những vấn đề này sẽ là cơ sở để triển khai các phương pháp dạy học có tính đặc thù của dạy học văn như: đọc hiểu, diễn giảng, vấn đáp gợi tìm, giảng bình.

47. DẠY HỌC NGỮ VĂN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực, thông qua đó rèn những kĩ năng tổ chức quá trình dạy học môn Ngữ văn như: Xác định mục tiêu, thời lượng dạy học; Xác định nội dung dạy học; Xác định phương pháp dạy học; Thiết kế các hoạt động học tập của học sinh; Thiết kế các công cụ đánh giá năng lực tiếp nhận văn bản và năng lực tạo lập văn bản của học sinh nhằm phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù cho học sinh.

48. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN NGỮ VĂN TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Những thay đổi trong đánh giá kết quả học tập của học sinh chi phối đến các yếu tố khác trong quá trình dạy học như nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và hình thức tổ chức dạy học. Chính vì thế cần có những ý tưởng mới về đánh giá kết quả học tập của học sinh. Học phần đề cập đến những nội dung đã được triển khai vận dụng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở THCS, THPT. Học phần kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn thông qua hệ thống các kĩ thuật ra đề kiểm tra, đánh giá bài tập tạo lập văn bản cũng như thực hành sử dụng tiếng Việt. Trong mỗi đơn vị bài học có nêu lí thuyết ngắn gọn, nội dung chính dành cho các ví dụ cụ thể, gắn với bài kiểm tra, thi trong chương trình học Ngữ văn ở phổ thông.

49. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM MÔN NGỮ VĂN (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Học phần gồm có ba chương: Chương 1 giới thiệu một số vấn đề lí luận chung. Chương 2 đề cập đến cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm. Chương 3 thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó người học hiểu và vận dụng để tổ chức hiệu quả hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông.

50. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Học phần có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về chương trình, sách giáo khoa phổ thông môn Ngữ văn. Cụ thể là vị trí, mục tiêu học phần, quan điểm xây dựng chương trình và viết sách giáo khoa, các mạch nội dung chính của chương trình và sách giáo khoa, những điều kiện để thực hiện chương trình và sử dụng sách giáo khoa. Trên cơ sở những tri thức đã có, sinh viên rèn luyện để thực hành các kĩ năng phân tích chương trình, sách giáo khoa; phát triển chương trình, sách giáo khoa một cách phù hợp; sử dụng chương trình, sách giáo khoa hiệu quả trong quá trình dạy học.

51.1. VĂN HỌC VÀ CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT (2 tín chỉ)

Học phần Văn học và các loại hình nghệ thuật trang bị cho người học các kiến thức về các loại hình nghệ thuật như: âm nhạc và hội họa, điêu khắc, kiến trúc... để từ đó thấy được mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật; có kiến thức liên môn, liên ngành để tiếp cận, cắt nghĩa và thẩm định tác phẩm văn học một cách khoa học và chủ động và sáng tạo

51.2. THI PHÁP TRUYỆN KIỀU (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào mục tiêu: Khái quát tình hình nghiên cứu Truyện Kiều từ khi tác phẩm ra đời cho đến nay; Đọc lại Truyện Kiều trong cái nhìn so sánh với Kim Vân Kiều truyện của Trung Quốc, từ đó khẳng định tác phẩm là thành tựu của văn hóa văn học Việt Nam; Trình bày về thế giới nghệ thuật của Nguyễn Du thể hiện trong Truyện Kiều; Định hướng để sinh viên có kĩ năng và phương pháp tiếp cận tác phẩm dưới góc độ thi pháp thể loại, vận dụng kiến thức của chuyên đề này vào việc dạy Ngữ văn ở trường THCS, THPT.

51.3. TÁC PHẨM VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI VÀ CÁC VẤN ĐỀ VĂN HỌC SO SÁNH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học kiến thức về các loại hình, tổ chức và cấu trúc của các tác phẩm văn học nước ngoài; các quan niệm đúng đắn về văn học so sánh, mục đích và đối tượng của văn học so sánh, các phương pháp luận và phạm vi, chủ đề nghiên cứu của văn học so sánh. Qua các kiến thức được trang bị đó, người học có thể tiếp cận nghiên cứu độc lập về một tác phẩm hoặc một vấn đề của văn học bằng phương pháp luận khoa học so sánh.

52.1. NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN - TỪ LÍ THUYẾT ĐẠI CƯƠNG ĐẾN THỰC TIỄN TIẾNG VIỆT (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống thuật ngữ, khái niệm tri nhận, ý niệm và cảm xúc, phạm trù và điển dạng, ẩn dụ và hoán dụ, biểu trưng hoá và dĩ nhân vi trung, một số hướng ứng dụng ngôn ngữ học tri nhận trong tìm hiểu đặc trưng văn hoá và tư duy ngôn ngữ của người Việt. Từ đó học phần hướng tới hình thành ở người học ý thức sử dụng ngôn ngữ văn hóa trong giao tiếp; thái độ nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học; ý thức kết nối nghề nghiệp.

52.2. LÍ THUYẾT BA BÌNH DIỆN VÀ VIỆC NGHIÊN CỨU HƯ TỪ TIẾNG VIỆT (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu lí thuyết ba bình diện, đặc điểm của hư từ trên bình diện ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng. Từ đó có được tình yêu với tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt.

52.3. HÀM Ý HỘI THOẠI TRONG TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu truyện cười dân gian Việt Nam qua việc phân tích các phương châm hội thoại, phép lịch sự, lập luận và chỉ thị trong tình huống giao tiếp cụ thể. Từ đó tiếp cận được cách ứng dụng lí thuyết dụng học vào việc phân tích văn bản nghệ thuật; có ý thức sử dụng ngôn ngữ văn hóa trong giao tiếp, thái độ nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học.

53.1. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG THEO THỂ LOẠI (2 tín chỉ)

Học phần nhằm khái quát một cách hệ thống, đơn giản nhất những kiến thức về thể loại văn học, thời kì văn học, nâng cao khả năng nhận diện các văn bản văn học về mặt thể loại. Học phần nhằm tăng cường tốt nhất các tri thức đọc hiểu cho sinh viên cũng như cách lĩnh hội vận dụng các tri thức đó vào quá trình đọc các văn bản văn chương. Đặc biệt, các bài học cũng cung cấp, nâng cao kiến thức, kĩ năng phân tích ngôn ngữ văn học. Trên cơ sở đó, đi sâu vào những đặc trưng ngôn ngữ của các thể loại - kiểu loại văn bản văn học như: văn bản tự sự (truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn), văn bản biểu cảm (thơ trữ tình, tùy bút), văn bản kịch, văn bản nghị luận.

53.2. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TẠO LẬP VĂN BẢN CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Học phần Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông là học phần có sự tiếp nối với học phần Làm văn. Học phần được xây dựng với mục đích nâng cao, rèn luyện phương pháp dạy kĩ năng thực hành tạo lập văn bản nói và viết tiếng Việt; giúp sinh viên hiểu về phương pháp dạy tạo lập văn bản dạng viết nói chung, các phương pháp dạy viết các loại văn bản tự sự, biểu cảm, nghị luận, văn bản nghị luận, văn bản thông tin; hướng dẫn dạy các thao tác: Phân tích mẫu văn; tìm ý, lập dàn ý; tổ chức các hoạt động thực hành viết văn; tổ chức một số hoạt động dạy học khác như thực hành đọc diễn cảm, tổ chức chỉnh sửa và đánh giá bài viết, tổ chức trải nghiệm nghệ thuật, thực hành thuyết trình, hùng biện; tổ chức giờ học tích hợp dạy học theo chủ đề Ngữ văn. Trên cơ sở đó, người học biết cách xây dựng thiết kế những bài học dạy viết văn gắn liền với từng kiểu loại văn bản.

53.3. TRÒ CHƠI VÀ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông là học phần trang bị cho sinh viên kĩ năng thiết kế trò chơi và bài tập tiếng Việt nhằm thú vị hóa bài học, tăng hiệu quả dạy học và tạo sự hấp dẫn cho giờ lên lớp. Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về bài tập và trò chơi tiếng Việt ở trường phổ thông. Từ đó giúp sinh viên Ngữ văn biết thiết kế, biết cách sử dụng hợp lí bài tập và trò chơi trong dạy - học giờ Tiếng Việt; hướng tới hình thành

ở người học ý thức trân trọng tiếng mẹ đẻ, ý thức sáng tạo, thái độ nghiêm túc, khách quan trong học tập và giảng dạy.

54. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống những hiểu biết về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kĩ năng giao tiếp sư phạm, kĩ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, kĩ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp, kĩ năng tổ chức hướng dẫn thực hiện nghi thức Đội và các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh; trang bị cho người học các phương pháp tổ chức quá trình dạy học, giáo dục học sinh, phương pháp giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động sư phạm, gắn lí luận với thực tiễn... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghiệp vụ cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lí tình huống sư phạm...

55. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học hệ thống những kiến thức và tổ chức thực hành rèn những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học trong nhà trường, bao gồm kĩ năng xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học, kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học, kĩ năng tổ chức quản lí lớp học, kĩ năng kiểm tra đánh giá học sinh. Đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành thuyết trình, viết bảng, xây dựng môi trường học tập. Góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên, như: yêu trẻ, yêu nghề, sự linh hoạt, sáng tạo và kỉ luật trong tổ chức hoạt động dạy học,...

56. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần nhằm nhằm gắn lí thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên; củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lí học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh.

57. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 (6 tín chỉ)

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lí thuyết Tâm lí - Giáo dục, vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Ngữ văn, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

58A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)

Trong học kì cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kĩ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

58B.1. THƠ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao về đặc trưng của thơ trữ tình; đi sâu tìm hiểu một số nội dung: Thơ tứ tuyệt Hồ Chí Minh, Một số đặc điểm thi pháp thơ Tố Hữu, Con người và thiên nhiên trong thơ chống Mĩ; tìm hiểu thơ của một số tác giả tiêu biểu như Hồ Chí Minh, Tố Hữu, một số nhà thơ trẻ như Nguyễn Duy, Bằng Việt, Hữu Thỉnh, Xuân Quỳnh,… Từ những đặc điểm của thơ hiện đại Việt Nam, cùng với việc đọc hiểu một số bài thơ được học ở chương trình Ngữ văn phổ thông, chuyên đề cung cấp cho sinh viên những kĩ năng và phương pháp phân tích các văn bản văn học cụ thể. Học phần nhằm tăng cường tốt nhất các tri thức đọc hiểu về thơ trữ tình Việt Nam hiện đại cho sinh viên cũng như cách lĩnh hội vận dụng các tri thức đó vào quá trình đọc các văn bản thơ trong chương trình Ngữ văn phổ thông.

58B.2. TIẾNG VIỆT TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN THCS, THPT (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT gồm 8 chương. Ngoài việc tổng quan nội dung dạy học phân môn Tiếng Việt ở THCS, THPT và đề xuất những gợi dẫn về cách dạy học phân môn Tiếng Việt ở THCS, THPT; học phần hệ thống những vấn đề chính về tiếng Việt trong trường phổ thông như nguồn gốc, sự phát triển lịch sử và đặc điểm loại hình của tiếng Việt; hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; phong cách ngôn ngữ tiếng Việt; từ ngữ và biện pháp tu từ về từ ngữ; câu và biện pháp tu từ về câu.

58B.3. DẠY HỌC NGỮ VĂN THEO HƯỚNG TÍCH HỢP (2 tín chỉ)

Dạy học tích hợp là xu thế được các quốc gia trên thế giới và Việt Nam triển khai thực hiện, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo. Dạy học tích hợp nhằm định hướng hình thành môt số năng lực cho người học, thực hiện yêu cầu giảm tải và tránh sự trùng lặp về kiến thức giữa các học phần. Tích hợp trong dạy học Ngữ văn là sự soi sáng và quy tụ lẫn nhau giữa phân môn Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. Học phần đề cập đến việc tổ chức và quản lí dạy học tích hợp môn Ngữ văn.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo hiện nay của nhà trường

1.1. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, đã trưởng thành qua thực tế và có nhiều năm kinh nghiệm, có thâm niên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT. Đội ngũ tham gia giảng dạy ngành Sư phạm Ngữ văn gồm 47 người với 21 Tiến sĩ, 26 Thạc sĩ, trong đó:

- Có 01 Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: TS. Phạm Thị Thu Thuỷ, chuyên ngành Ngữ văn.

- Có ít nhất 05 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy:

+ TS. Luyện Thị Minh Thư, chuyên ngành Triết học; TS. Nguyễn Thái Hưng, chuyên ngành Giáo dục thể chất: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức Giáo dục đại cương;

+ TS. Nguyễn Thị Phượng, chuyên ngành Ngôn ngữ học: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Cơ sở ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Nguyễn Đức Toàn, chuyên ngành Ngữ văn: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Chuyên ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Phạm Thị Thu Thuỷ, chuyên ngành Ngữ văn: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Vũ Thuỳ Nga, chuyên ngành Ngữ văn: Chủ trì thực hiện nội dung Nghiên cứu khoa học (Khóa luận tốt nghiệp) trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định: Đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của trường đảm nhận được 100% khối lượng chương trình đào tạo.

(Xem Phụ lục Mẫu 1, Mẫu 2)

1.2. Cán bộ nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được nhà trường quan tâm, khuyến khích. Hiện tại, Trường Đại học Hải Dương có Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường, có quy chế hoạt động cụ thể. Hội đồng Khoa học và Đào tạo giữ vai trò tham mưu cho Ban Giám hiệu, các Khoa, Trung tâm trong định hướng phát triển chuyên môn, khoa học của nhà trường, các đơn vị và các ngành nghề đào tạo.

Trong giai đoạn từ 2010 đến nay, số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế về khoa học giáo dục đạt chỉ số quốc tế ISI, Scopus là 32 bài; số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học trong nước hàng trăm bài. Nhà trường cũng tham gia thực hiện 06 đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Tỉnh về khoa học giáo dục; cùng với đó là nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học của nhà trường nhằm không ngừng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất và phát triển ngành nghề đào tạo, đặc biệt là ứng dụng vào khoa học giáo dục. Hằng năm, 100% các giảng viên, cán bộ quản lí của nhà trường tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được tăng cường thông qua việc làm đồ án, luận án, khoá luận tốt nghiệp.

05 năm trở lại đây, các giảng viên khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội (tiền thân là khoa Xã hội) và các giảng viên ở những khoa khác đã thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn. Các đề tài đều có tính ứng dụng cao, phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy, được Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học nhà trường đánh giá, xếp loại Giỏi, Xuất sắc.

Đặc biệt, các giảng viên của khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội (tiền thân là khoa Xã hội) rất tích cực viết bài đăng trên các tạp chí nghiên cứu, tạp chí khoa học, biên soạn tài liệu tham khảo, xuất bản sách,... hỗ trợ hữu ích giáo viên và học sinh phổ thông trong việc dạy học môn Ngữ văn theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

(Xem Phụ lục Mẫu 4, Mẫu 5)

2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học của nhà trường

Nhằm tăng cường đội ngũ giảng viên có học vị Tiến sĩ, Trường Đại học Hải Dương thực hiện chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên đi học. Ngoài ra, nhà trường cũng thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ cao, áp dụng chế độ thu hút nhân tài của tỉnh Hải Dương đối với những giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

Nhà trường cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ sở đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, kí hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

PHẦN 5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Về cơ sở vật chất hiện có của nhà trường

1.1. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Trường Đại học Hải Dương có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ văn. Trong đó bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; thư viện, trung tâm học liệu; trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; nhà kí túc xá 5 tầng; nhà dịch vụ; nhà ăn sinh viên; phòng tập thể thao, nhà tập đa năng; sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo; sân bóng chuyền; sân bóng rổ. Cụ thể:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;
- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn sinh viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyền: 02;
- Sân bóng rổ: 02.

Trường Đại học Hải Dương cũng trang bị các phòng máy vi tính, mạng internet, tai nghe, hệ thống cách âm,... để giảng dạy các học phần đặc thù như Tin học, Tiếng Anh,... trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học.

(Xem Phụ lục Mẫu 6, Mẫu 8)

1.2. Về học liệu, nguồn thông tin thư viện

Trường Đại học Hải Dương có thư viện được trang bị hàng nghìn đầu sách chung và hàng trăm đầu sách chuyên ngành. Ngoài thư viện đặt trong khuôn viên nhà trường, trường còn xây dựng thư viện điện tử với các đầu sách rất phong phú. Nguồn học liệu của nhà trường như các bài giảng điện tử, bản đồ tư duy,... được sưu tầm, lưu trữ từ nhiều cơ sở đào tạo giáo viên Ngữ văn trên cả nước. Nhà trường có 427 đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

(Xem Phụ lục Mẫu 7)

1.3. Trường thực hành sư phạm

Trường Đại học Hải Dương có trường thực hành sư phạm THCS Chu Văn An được thành lập từ năm 2016 với đủ các khối lớp 6, 7, 8, 9, quy mô 13 lớp, trên 400 học sinh; Trường THPT Chu Văn An được thành lập từ năm 2019 với đủ các khối lớp 10, 11, 12, quy mô 28 lớp, trên 1000 học sinh. Đây là một trong các địa chỉ lí tưởng rèn năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, thực hiện phương châm đào tạo thực hành, thực nghiệp của Trường Đại học Hải Dương.

2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất của nhà trường

Trong thời gian tới, theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 - 2025) ước tính từ 200 tỉ đồng đến 250 tỉ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc,… khang trang, hiện đại dùng chung cho đào tạo các ngành. Nhà trường cam kết thực hiện việc tăng cường mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, học liệu,... bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

PHẦN 6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÍ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đơn vị chuyên môn quản lí đối với ngành đào tạo

- Đơn vị chuyên môn cấp khoa quản lí các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lí khác đối với ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học là khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội.

- Các tổ bộ môn trong khoa: Tổ Ngữ văn, Tổ Khoa học xã hội.

- Đội ngũ: 04 Tiến sĩ và các Thạc sĩ.

- Cơ sở vật chất của khoa: Khoa có 01 văn phòng dùng chung, 01 văn phòng cho Trưởng khoa, 02 văn phòng cho các Tổ bộ môn của khoa. Các văn phòng đều được trang bị máy vi tính, máy in, điện thoại cố định và các vật dụng văn phòng cần thiết khác.

Các phòng học lí thuyết, phòng học thực hành (Tin học, Ngoại ngữ,…) đều được trang bị máy chiếu, máy điều hoà, kết nối mạng internet ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương (toà nhà Giảng đường 06 tầng, số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương).

Cơ sở thực hành sư phạm của ngành đào tạo: Trường THCS Chu Văn An, Trường THPT Chu Văn An ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương (số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương).

2. Phân công cán bộ quản lí chuyên môn

- Lãnh đạo khoa: Tiến sĩ Phạm Thị Thu Thủy.

- Trợ lí khoa: Thạc sĩ Nguyễn Thị Hải Vân.

- Lãnh đạo tổ bộ môn: Tiến sĩ Nguyễn Đức Toàn (Tổ Ngữ văn), Tiến sĩ Nguyễn Thị Thanh Hoa (Tổ Khoa học Xã hội).

- Trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân cán bộ quản lí chuyên môn để quản lí và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn: Quản lí giảng viên, cán bộ và người học thuộc Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội theo phân cấp của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương; tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy; biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo các môn học do khoa quản lí; thực hiện giảng dạy các môn học chuyên ngành và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình đào tạo; tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương bổ sung cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo, ngân hàng đề thi, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập; tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành; triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Trường Đại học Hải Dương; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo

dục để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; quản lí các hoạt động của sinh viên.

(Xem Phụ lục Mẫu 3)

PHẦN 7. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÍ RỦI RO

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã quy định: Cơ sở đào tạo phải xây dựng, đề xuất, phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo do Hội đồng trường phê duyệt và chịu trách nhiệm về định hướng phát triển mở ngành mới, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của cơ sở đào tạo; đồng thời bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực. Ngoài ra phải bảo đảm việc triển khai đề án mở mã ngành đào tạo đạt hiệu quả; thẩm định về dự báo rủi ro; đề xuất các giải pháp ngăn ngừa đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp rủi ro xảy ra khi mở ngành đào tạo.

1. Rủi ro của đề án mở mã ngành

- Rủi ro vì việc tuyển sinh không đủ số lượng;
- Rủi ro do bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp phải học online;
- Rủi ro vì việc tuyển sinh không gắn với nhu cầu nhân lực của đại phương và vùng;
- Rủi ro do chương trình đào tạo cũng như điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của ngành/trường;
- Rủi ro vì đối thủ cạnh tranh không lành mạnh;
- Rủi ro do các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Sư phạm Ngữ văn;
- Rủi ro vì hậu quả từ hoạt động của con người trong điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

2. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với đề án mở mã ngành

- Xây dựng và thẩm định đề án thật kĩ theo các quy dịnh của pháp luật;
- Chuẩn bị tốt các cơ sở vật chất, cả trong trường hợp đào tạo online do ảnh hưởng của dịch bệnh;
- Khảo sát kĩ nhu cầu nhân lực của vùng và địa phương;
- Tăng cường việc định hướng nghề nghiệp đối với học sinh;
- Chuẩn bị thích ứng nhanh và hiệu quả nhất đối với các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Sư phạm Ngữ văn;
- Chuẩn bị và đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cao điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

3. Các biện pháp xử lí rủi ro đối với đề án mở mã ngành

Trường Đại học Hải Dương nhận thức được các rủi ro có thể gặp phải nên theo quy định đã lập quỹ dự phòng để tự hạn chế, khắc phục hậu quả.

PHẦN 8. ĐỀ NGHỊ CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN

Nhà trường cam kết không vi phạm các quy định hiện hành về các điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức quản lí và đào tạo các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học từ khi thành lập trường đến nay.

Trường Đại học Hải Dương sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, giáo trình, đáp ứng tốt nhất cho việc dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành học Sư phạm Ngữ văn.

Nhà trường cam kết và khăng định luôn công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hằng năm theo các khoá học, ngành học; công khai tỉ lệ việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp; công khai mức thu học phí; công khai chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của ngành.

Với điều kiện cơ sở vật chất như trên, cùng đội ngũ cán bộ tâm huyết, có năng lực, Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể triển khai thành công đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn (mã ngành 7140217), trình độ đại học để Trường triển khai công tác tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2023 - 2024./.

HIỆU TRƯỞNG

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày tháng năm 2023

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ngành dự kiến mở: Sư phạm Ngữ văn Mã ngành: 7140217

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên kí hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở của Trường Đại học Hải Dương

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày kí; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp		Kí tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*

1	Phạm Thị Thu Thủy 10/12/1977	030177007120 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngữ văn	01/01/2000		8600002683	23	11		
2	Vũ Thùy Nga 11/10/1963	030163021860 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngữ văn	20/3/1986		239049785	35	03	02	
3	Nguyễn Thị Phượng 02/9/1983	30183008304 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ	01/01/2008		3008008612	15	04	05	
4	Nguyễn Thái Hưng 03/11/1976	030076008330 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Giáo dục thể chất	14/9/1988		8699000091	25	04		
5	Luyện Thị Minh Thư 02/4/1983	030183024380 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	01/9/2008		3008013495	15	08		
6	Nguyễn Đức Toàn 21/11/1981	030081000548		Tiến sĩ, Việt Nam,	Ngữ văn	15/7/2005		3009055915	13	42	06	

				2015								
7	Nguyễn Thị Thanh 17/9/1966	030166011651 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Ngữ văn	10/9/1999		2396030202	15	08	01	
8	Nguyễn Thị Thanh Tâm 27/5/1977	03177014630 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Ngữ văn	15/11/2001		8603001648	15	04	01	
9	Nguyễn Thị Ngọc Hằng 12/4/1983	30183010449 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngữ văn	01/01/2008		3008013493	15	10	01	
10	Đoàn Thị Việt Nga 23/01/1982	30182005508 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngữ văn	08/01/2014		3012026251	11		07	
11	Đặng Thị Mây 18/12/1976	030176004063 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Ngữ văn	01/01/2000		8600001043	16	25		
12	Đào Thị Anh Lê	036177010405 Việt Nam		Tiến sĩ,	Ngữ văn	22/10/2003		8904004223	20	05	27	

	04/6/1977			Việt Nam, 2018								
13	Dương Thị Bích Hạnh 26/10/1976	30176009472 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngữ văn	01/02/1999		8699000088	24	06		
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền 26/7/1983	30183002073 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Ngữ văn	01/09/2010		3010036430	14	02		
15	Nguyễn Thị Tính 06/7/1984	30184010135		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngữ văn		01/9/2010	3010007846	14			
16	Đặng Thị Mai 19/8/1977	030176016427 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục học (LL và PPDH bộ môn Giáo dục	01/02/1999		8699000084	24	08		

					Chính trị)							
17	Phạm Thị Thu Hằng 25/08/1987	030187021812 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Triết học	01/9/2015		3011000041	13	04		
18	Tạ Thị Thúy Ngân 19/3/1972	33172010028 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	31/8/1996		2396049762	27	12	03	
19	Nguyễn Thị Thu Hà 03/4/1977	030177018186 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	01/9/2000		8603003291	09	08	02	
20	Trần Thị Tuyền 09/01/1983	024183016025 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam,	Triết học	01/01/2008		3008008616	16	04	01	

				2012								
21	Hoàng Thị Ngát 13/01/1982	030182007383 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	15/12/2007		8607011037	17	04	01	
22	Nguyễn Thị Lài 26/01/1986	030186006793 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	01/7/2020		3011034210	12		03	
23	Tiêu Thị Minh Hiền	30190018332 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự		2011	3012022506	12			
24	Nguyễn Thị Thanh Hoa 13/8/1979	030179018111 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Lịch sử	01/8/2014		8603000666	12	11	03	
25	Lương Minh Huệ 05/12/1983	030183019426 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Du lịch		01/10/2010	8607002551	13			

26	Cao Thị Thu Hằng 03/3/1969	141449588 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2001	Khoa học giáo dục	12/1993		2396049729	27	01		
27	Nguyễn Thị Minh Hải 04/6/1976	141796870 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lí học	01/01/2007		8605003317	24	02		
28	Lê Thị Minh Anh 17/02/1977	030177002123 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Giáo dục học	01/02/1999		8699000081	24	02		
29	Nguyễn Thị Tím Huế 17/11/1979	030179008513 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	02/12/2005		8605003316	21	04		
30	Vũ Thị Nga 08/3/1980	0986416345 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Tâm lí Giáo dục	02/12/2005		8606003593	19			

31	Trần Quốc Hưng 19/8/1980	030080020073 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Giáo dục học	01/1/2007		8606003594	19	03	01	
32	Đồng Thị Yến 15/5/1988	030188000568 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tâm lí học	01/8/2014		3012030037	12	11		
33	Phạm Thị Loan 25/6/1985	030185004916 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Công nghệ thông tin	01/01/2009		3008008611	17	04		
34	Nguyễn Thị Thanh Tâm 13/10/1988	030188022894 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Công nghệ thông tin	08/01/2011		3011034211	12	01		
35	Vũ Quốc Tuấn 08/6/1982	030082003453 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Toán học	01/01/2006		8606003590	14	06		
36	Nguyễn Thị Thu Hiền 27/8/1984	025184001362 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam,	Giáo dục thể chất	04/01/2011		3010001495	14		12	

				2018								
37	Nguyễn Hữu Thái 04/6/1985	030085003556 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục thể chất	01/5/2022		1910000825	09			
38	Đỗ Quốc Vương 07/9/1984	30084010399 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Giáo dục thể chất	01/9/2011		3011034212	12		03	
39	Nguyễn Thị Tuyết Nhung 04/08/1976	030176008343 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Ngôn ngữ Anh	01/01/2000		8600003690	17	01		
40	Vũ Thị Điệp Lan 14/01/1987	030187013359 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	01/03/2011		3010001492	13	02		
41	Nguyễn Thị Thanh Huyền 24/9/1980	30180001569 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lí luận và phương pháp	01/01/2004		86040033238	18		08	

					giảng dạy Tiếng Anh							
42	Lê Thị Bắc 24/11/1980	30180009388 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Tiếng Anh sư phạm	01/12/2008		8605001294	19		08	
43	Phạm Thị Hà Trang 26/10/1983	030183019198 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	01/02/2011		0110139893	12			
44	Bùi Thị Thủy 20/5/1982	30182013807 Việt Nam		Thạc sĩ, Úc, 2014	Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	10/6/2007		8607025756	09	04		

45	Nguyễn Thị Hải Vân 16/01/1977	033177003924 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Địa lí	01/01/2001		8600003639	18	05	02	
46	Đàm Văn Bắc 02/01/1969	030069006958 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Địa lí	01/3/2013		2396007176	17	09	01	
47	Phạm Thị Hòa 01/05/1977	030177012781 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Sinh học	01/01/2000		8602003604	13	06	02	

Ghi chú: Lí lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở của Trường Đại học Hải Dương

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kì, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp, chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Phạm Thị Thu Thủy	Tiếng Việt thực hành	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình; chủ trì giảng dạy thành phần Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Dẫn luận ngôn ngữ học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Từ Hán Việt	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Ngữ âm tiếng Việt	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Ngữ pháp tiếng Việt	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phong cách học tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Ngữ dụng học	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Tổ chức hoạt động trải nghiệm	Học kì 1, năm thứ ba	X				

		môn Ngữ văn						
		Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Nghiệp vụ sư phạm 2	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Phát triển chương trình và sách giáo khoa phổ thông	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Khóa luận tốt nghiệp		X				
2	Vũ Thùy Nga	Văn học dân gian Việt Nam	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù

		Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	Học kì 1, năm thứ hai	X				hợp chủ trì thực hiện nội dung Nghiên cứu khoa học (Khóa luận tốt nghiệp) trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Thi pháp Truyện Kiều	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Thơ và một số vấn đề thơ Việt Nam hiện đại	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
3	Nguyễn Thị Phượng	Tiếng Việt thực hành	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù
		Dẫn luận ngôn ngữ học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				

		Ngữ âm tiếng Việt	Học kì 2, năm thứ nhất	X				hợp chủ trì giảng dạy chương trình thành phần Cơ sở ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Ngữ pháp tiếng Việt	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phong cách học tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Ngữ dụng học	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				

4	Nguyễn Thái Hưng	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình khối kiến thức Giáo dục đại cương
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất Học kì 1, năm thứ hai	X				
5	Luyện Thị Minh Thư	Triết học Mác - Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình khối kiến thức Giáo dục đại cương
6	Nguyễn Đức Toàn	Từ Hán Việt	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình thành phần Chuyên ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Nhập môn lí luận văn học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Tác phẩm văn học và thể loại văn học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Văn học và các loại hình nghệ thuật	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Phát triển chương trình	Học kì 2, năm thứ tư	X				

		và sách giáo khoa phổ thông						
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
7	Nguyễn Thị Thanh	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	Học kì 1, năm thứ ba	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Văn bản học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Đọc hiểu văn bản	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Tạo lập văn bản	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Thơ và một số vấn đề thơ Việt Nam hiện đại	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
8	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Văn học dân gian Việt Nam	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu	Học kì 1, năm thứ hai	X				

		thế kỉ XVIII						
		Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Văn bản học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Đọc hiểu văn bản	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Tạo lập văn bản	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Nghiệp vụ sư phạm 2	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
9	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	Nhập môn lí luận văn học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tác phẩm văn học và thể loại văn học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Thi pháp Truyện Kiều	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Văn học và các loại hình nghệ thuật	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Đọc hiểu văn bản trong	Học kì 1, năm thứ tư			X		

		trường phổ thông theo thể loại						
		Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong chương trình phổ thông	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
10	Đoàn Thị Việt Nga	Văn học phương Đông	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Văn học Nga	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				

11	Đặng Thị Mây	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	Học kì 1, năm thứ ba	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong chương trình phổ thông	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	Học kì 2, năm thứ tư			X		
12	Đào Thị Anh Lê	Văn học phương Đông	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Văn học Nga	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	Học kì 2, năm thứ ba			X		
13	Dương Thị Bích Hạnh	Tiếng Việt thực hành	Học kì 2, năm thứ nhất	X				

		Dẫn luận ngôn ngữ học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Ngữ âm tiếng Việt	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Ngữ pháp tiếng Việt	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phong cách học tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Ngữ dụng học	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT	Học kì 2, năm thứ tư			X		

		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tiếng Việt thực hành	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Dẫn luận ngôn ngữ	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Ngữ âm tiếng Việt	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Ngữ pháp tiếng Việt	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phong cách học tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Ngữ dụng học	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Tiếng Việt trong	Học kì 2, năm thứ tư			X		

		chương trình Ngữ văn THCS, THPT						
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
15	Nguyễn Thị Tính	Văn học dân gian Việt Nam	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Văn bản học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Đọc hiểu văn bản	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Tạo lập văn bản	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Nghiệp vụ sư phạm 2	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
16	Đặng Thị Mai	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình

		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba	X				
17	Phạm Thị Thu Hằng	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Mĩ học đại cương	Học kì 1, năm thứ hai			X		
18	Tạ Thị Thúy Ngân	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
19	Nguyễn Thị Thu Hà	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Pháp luật đại cương	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
20	Trần Thị Tuyền	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Mĩ học đại cương	Học kì 1, năm thứ hai			X		
21	Hoàng Thị Ngát	Triết học Mác - Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
22	Nguyễn Thị Lài	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba	X				
23	Tiêu Thị Minh Hiền	Pháp luật đại cương	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
24	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử văn minh	Học kì 1, năm thứ nhất	X				

		thế giới						
25	Lương Minh Huệ	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử văn minh thế giới	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
26	Cao Thị Thu Hằng	Giáo dục học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	Học kì 1, năm thứ tư	X				
27	Nguyễn Thị Minh Hải	Tâm lí học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Nghiệp vụ sư phạm 1	Học kì 1, năm thứ ba					
28	Lê Thị Minh Anh	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giao tiếp sư phạm	Học kì 1, năm thứ hai			X		
29	Nguyễn Thị Tím Huế	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
30	Vũ Thị Nga	Giao tiếp sư phạm	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
		Nghiệp vụ sư phạm 1	Học kì 1, năm thứ ba					
31	Trần Quốc Hưng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
32	Đồng Thị Yến	Tâm lí học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình

33	Phạm Thị Loan	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
34	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
35	Vũ Quốc Tuấn	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
36	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất Học kì 1, năm thứ hai	X				
37	Nguyễn Hữu Thái	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất Học kì 1, năm thứ hai	X				
38	Đỗ Quốc Vương	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất Học kì 1, năm thứ hai	X				
39	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
40	Vũ Thị Điệp Lan	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
41	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
42	Lê Thị Bắc	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				

		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
43	Phạm Thị Hà Trang	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
44	Bùi Thị Thủy	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
45	Nguyễn Thị Hải Vân	Giáo dục môi trường	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
46	Đàm Văn Bắc	Giáo dục môi trường	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
47	Phạm Thị Hòa	Giáo dục môi trường	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
48	Quân khu 3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lí cấp khoa đối với ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Phạm Thị Thu Thủy 10/12/1977 Trưởng khoa	Tiến sĩ 2018	Ngữ văn Văn học Việt Nam	

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở do Trường Đại học Hải Dương thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần, môn học được phân công)	Ghi chú
1	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Vũ Thùy Nga	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	93.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
2	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	91.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

3	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.40 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
4	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Nguyễn Thị Thanh	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.30 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
5	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.00 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
6	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động một số Câu lạc bộ thể thao theo sở thích cho học sinh THCS Chu Văn An theo định hướng	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.00 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

			chương trình giáo dục phổ thông mới						
7	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Phát triển hoạt động liên kết giữa trường Cao đẳng Hải Dương với các trường Tiểu học, THCS trong việc dạy kĩ năng sống cho học sinh	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	91.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
8	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn tiếng Anh huyện Kinh Môn	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	88.70 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
9	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	89.70 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

			tiếng Anh huyện Kinh Môn						
10	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn tiếng Anh huyện Kinh Môn	Phạm Thị Hà Trang	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.90 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
11	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Vũ Thùy Nga	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
12	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	91.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
13	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Thiết kế bài giảng trực tuyến E-learning môn Ngữ văn THCS	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QĐ số 12/QĐ-CĐHD,	29-30/6/2019 01/7/2019	90.50 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019

					ngày 02/6/2019				QĐ số 13
14	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học (về tác phẩm/ đoạn trích thơ) cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Thị Thanh	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
15	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học (về tác phẩm/ đoạn trích truyện) cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
16	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Hải Dương	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	94.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13

17	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình ôn tập Kĩ năng Đọc hiểu môn Tiếng Anh thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
18	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình ôn tập Kĩ năng Viết môn Tiếng Anh thi vào lớp 10 THPT	Phạm Thị Hà Trang	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
19	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình ôn tập Từ vựng - Ngữ pháp - Chức năng ngôn ngữ môn Tiếng Anh thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
20	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Xây dựng bài học trực tuyến E-learning bộ môn tiếng Anh cho học sinh khối 6	Vũ Thị Điệp Lan	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	88.30 điểm Giỏi		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13

21	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ kiểm định chất lượng giáo dục THPT	Vũ Thùy Nga	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
22	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành Công tác xã hội, ngành Sư phạm Ngữ văn	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.50 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
23	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi học sinh giỏi lớp 9 môn Ngữ văn, đề thi thử vào lớp 10 môn Ngữ văn	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
24	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành Quản lí văn hóa, ngành Sư phạm Ngữ văn	Nguyễn Thị Thanh	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.20 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
25	QĐ số 10/QĐ-	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành Việt Nam	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 41/QĐ-CĐHD,	06-08/7/2021	95.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	CĐHD, ngày 15/11/2020		học, ngành Sư phạm Ngữ văn		ngày 10/6/2021				15/7/2021 QĐ số 42
26	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	98.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
27	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Thu Hà	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	97.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
28	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng các quyết định phục vụ kiểm định	Đàm Văn Bắc	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
29	QĐ số 10/QĐ-	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần:	Hoàng Thị Ngát	QĐ số 41/QĐ-CĐHD,	06-08/7/2021	96.30 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	CĐHD, ngày 15/11/2020		Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh		ngày 10/6/2021				15/7/2021 QĐ số 42
30	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	Nguyễn Thị Lài	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
31	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định môn Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm ngành đào tạo giáo viên THCS; Hoạt động giáo dục ở trường THCS	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.80 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
32	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ kiểm định THPT môn Ngữ văn 10	Đoàn Thị Việt Nga	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	93.50 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

33	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Thiết kế KHDH môn GDTC lớp 6 theo Chương trình GDPT mới	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	89.40 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
34	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ sản phẩm kiểm định giáo dục môn Ngữ văn lớp 11 khóa 2020 - 2023	Vũ Thùy Nga	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	95.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
35	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	98.30 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

36	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
37	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi tốt nghiệp THPT và thi đại học môn Ngữ văn	Nguyễn Thị Thanh	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	94.30 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
38	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	97.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

			dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)						
39	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	97.25 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
40	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề ôn thi tốt nghiệp THPT và thi Đại học môn Ngữ văn (phần truyện)	Nguyễn Thị Tính	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	88.80 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

41	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bài giảng Elearning môn Tin học lớp 10 bài 6,7	Phạm Thị Loan	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	94.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
42	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn Thể thao tự chọn lớp 7 theo chương trình GDPT 2018	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
43	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn Thể dục lớp 10 theo chương trình GDPT 2018	Nguyễn Thị Thu Hiền	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.80 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
44	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên THCS module Tin học	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
45	QĐ số 73/QĐ-	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo	Phạm Thị Loan	QĐ số 26/QĐ-CĐHD,	23-24/6/2022	91.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	CĐHD, ngày 22/11/2021		viên THCS module Tin học		ngày 02/6/2022				15/7/2022 QĐ số 35
46	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Mối quan hệ giữa khí chất và stress ở học sinh THPT	Đồng Thị Yến	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	90.00 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
47	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên năm 2022 đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông 2018	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	89.00 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
48	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Một số biện pháp tạo hứng thú học tập cho sinh viên trong dạy học các môn lí luận Mác-Lênin ở trường đại học, cao đẳng	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	95.00 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
49	QĐ số 73/QĐ-	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ kiểm định môn Ngữ văn	Đoàn Thị Việt Nga	QĐ số 26/QĐ-CĐHD,	23-24/6/2022	86.40 điểm Giỏi		Công nhận ngày

	CĐHD, ngày 22/11/2021		lớp 12 tại trường THPT Chu Văn An		ngày 02/6/2022				15/7/2022 QĐ số 35
50	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ kiểm định môn Ngữ văn lớp 11 tại trường THPT Chu Văn An	Nguyễn Thị Phượng	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.25 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
51	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Thiết kế bài dạy môn GDCD lớp 6	Trần Thị Tuyền	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
52	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 10	Phạm Thị Thu Hằng	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.33 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
53	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 10	Nguyễn Thị Lài	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.33 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

54	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi thử vào lớp 10 THPT (tối thiểu 5 đề + đáp án) môn Tiếng Anh	Vũ Thị Điệp Lan	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.77 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
55	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi thử vào lớp 10 THPT (tối thiểu 5 đề + đáp án) môn Tiếng Anh	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	93.37 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
56	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 11	Hoàng Thị Ngát	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.20 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
57	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng câu hỏi ôn luyện môn GDCD phục vụ ôn luyện kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia	Nguyễn Thị Thu Hà	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.37 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
58	QĐ số 73/QĐ-	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng câu hỏi ôn	Luyện Thị Minh Thư	QĐ số 26/QĐ-	23-24/6/2022	92.44 điểm		Công nhận

	CĐHD, ngày 22/11/2021		luyện môn GDCD phục vụ ôn luyện kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia		CĐHD, ngày 02/6/2022		Xuất sắc		ngày 15/7/2022 QĐ số 35

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở của Trường Đại học Hải Dương (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Phạm Thị Thu Thủy (2012), *"Dấu ấn Nam Bộ trong truyện ngắn "Mùa "len" trâu" của nhà văn Sơn Nam", Tạp chí Nhà văn*, số 3, tr. 112-116.	Bài viết, Tác giả
2	Phạm Thị Thu Thủy (2012), *"Nhân vật trong tập truyện ngắn "Hương rừng Cà Mau" của Sơn Nam từ góc nhìn văn hóa", Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2*, số 18, tr. 51-60.	Bài viết, Tác giả
3	Phạm Thị Thu Thủy (2012), *Thân phận con người trong tập truyện ngắn "Thầm lặng", Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 336, tr.103-106.	Bài viết, Tác giả
4	Phạm Thị Thu Thủy (2014), *"Cảm thức lưu lạc trong sáng tác của bốn nhà văn Nam Bộ", Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 362, tr. 85-90.	Bài viết, Tác giả
5	Phạm Thị Thu Thủy (2014), *"Con người Nam Bộ "tiền hiện đại" trong sáng tác của Hồ Biểu Chánh", Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2,* số 34, tr. 105-117.	Bài viết, Tác giả
6	Phạm Thị Thu Thủy (2015), *"Con người Nam Bộ trọng nghĩa khinh tài trong sáng tác của nhà văn Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam", Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 3, tr. 68-74.	Bài viết, Tác giả
7	Phạm Thị Thu Thủy (2016), *"Con người Nam Bộ trên hành trình mở đất và giữ đất trong sáng tác của Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam", Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Khoa học - Đại học Huế*, số 2, tr. 37-49.	Bài viết, Tác giả
8	Phạm Thị Thu Thủy (2016), *"Con người Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư", Tạp chí Văn*	Bài viết, Tác giả

	hóa nghệ thuật, số 387, tr. 74-77.	
9	Phạm Thị Thu Thủy (2016), *Dạy học Phong cách học Tiếng Việt ở chương trình Ngữ văn THCS*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Tác giả
10	Phạm Thị Thu Thủy (2018), *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Hải Dương*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.	Sách, Tác giả thành viên
11	Phạm Thị Thu Thủy (2022), *"Một số điểm cần lưu ý khi dạy học trực tuyến môn Ngữ văn cho học sinh THCS hiện nay", Tạp chí Dạy và học ngày nay*, số đặc biệt, tr. 296-297.	Báo, Tác giả
12	Nguyễn Đức Toàn (2011), *"Một phương diện nghệ thuật tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương", Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, số 202, tháng 11 năm 2011, tr. 19-23.	Bài viết, Tác giả
13	Nguyễn Đức Toàn (2012), *"Đặc sắc thế giới nội tâm nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư", Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, số 206, tháng 3 năm 2012, tr 40-45.	Bài viết, Tác giả
14	Nguyễn Đức Toàn (2012), *"Dấu hiệu của kĩ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết **Tấm ván phóng dao** của Mạc Can"*, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, (20), tháng 8 năm 2012, tr. 53-59.	Bài viết, Tác giả
15	Nguyễn Đức Toàn (2012), *"Một phương diện nghệ thuật trong tiểu thuyết **Người sông Mê** của Châu Diên", Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, (214), tháng 11 năm 2012, tr. 17-22.	Bài viết, Tác giả
16	Nguyễn Đức Toàn (2013), *"Kết cấu thời gian trong **Nỗi buồn chiến tranh** của Bảo Ninh", Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, (25), tháng 6 năm 2013, tr. 69 -79.	Bài viết, Tác giả
17	Nguyễn Đức Toàn (2014), *"Kĩ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết **Và khi tro bụi**", Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (355), tháng 01 năm 2014, tr. 83-87.	Bài viết, Tác giả
18	Nguyễn Đức Toàn (2014), "*Tư duy thơ trong tiểu thuyết Đoàn Minh Phượng", Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, (32), tháng 8 năm 2014, tr. 64-71.	Bài viết, Tác giả

19	Nguyễn Đức Toàn (2014), *"Khuynh hướng dòng ý thức trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại"*, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (363), tháng 9 năm 2014, tr. 68-71.	Bài viết, Tác giả
20	Nguyễn Đức Toàn (2014), *"Yếu tố vô thức với nỗ lực cách tân lối viết trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại"*, *Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội*, (5), tháng 12 năm 2014, trang 69-76.	Bài viết, Tác giả
21	Nguyễn Đức Toàn (2014), *"Dấu ấn vô thức nhân vật trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương từ góc nhìn phân tâm học"*, In trong sách *Phân tâm học với văn học* (Hồ Thế Hà, Nguyễn Thành (Chủ biên), Nhà xuất bản Đại học Huế, 2014, ISBN: 978-604-912-322-1, tr. 216-229.	Sách, Đồng tác giả
22	Nguyễn Đức Toàn (2014), *"Xung quanh vấn đề người đọc trong diễn trình tiếp nhận truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp"*, In trong sách *Mỹ học tiếp nhận văn học ở Việt Nam* (Nhiều tác giả, Khoa Ngữ văn trường Đại học Huế), Nhà xuất bản Đại học Huế, 2014, ISBN: 978-604-912-263-7, tr. 289-299.	Sách, Đồng tác giả
23	Nguyễn Đức Toàn (2015), *"Một cách nhìn mới về hiện thực và con người trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại"*, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (368), tháng 2 năm 2015, tr. 78-83.	Bài viết, Tác giả
24	Nguyễn Đức Toàn (2015), *"Biểu tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại"*, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 7 (92), năm 2015, tr. 104-107.	Bài viết, Tác giả
25	Nguyễn Đức Toàn (2015), *"Kiểu nhân vật đi tìm thời gian đã mất và hiệu ứng kỹ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại"*, *Tạp chí Hồn Việt*, số 9 (248) - 2015, tr. 68-72.	Bài viết, Tác giả
26	Nguyễn Đức Toàn (2015), *"Hành trình đi tìm bản ngã trong văn xuôi Việt Nam đương đại"*, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 376, tháng 10 - 2015, tr. 65-69.	Bài viết, Tác giả
27	Nguyễn Đức Toàn (2016), *"Yếu tố vô thức nhân vật trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương"*, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 381, tháng 3 năm 2016, tr. 76-80.	Bài viết, Tác giả
28	Nguyễn Đức Toàn (2016), *"Hành trình tôi đi tìm tôi trong một vài tác phẩm văn xuôi Việt Nam đương đại"*, *Tạp chí Văn nghệ quân đội*, số 854, tháng 10 năm 2016, tr. 101-105.	Bài viết, Tác giả

29	Nguyễn Đức Toàn (2016), *"Yếu tố vô thức trong một vài tiểu thuyết Việt Nam đương đại", Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 858, tháng 12 năm 2016, tr. 106-109.	Bài viết, Tác giả
30	Nguyễn Đức Toàn (2016), *"Nguyễn Bình Phương và dấu hiệu cách tân lối kể trong tiểu thuyết"*, In trong sách *Thế hệ nhà văn sau 1975 - Diện mạo và thành tựu* (Hội thảo Quốc gia tổ chức tại Đại học Văn hóa Hà Nội), Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội, 2016; ISBN: 978-604-53-6094-1, tr. 439-452.	Sách, Đồng tác giả
31	Nguyễn Đức Toàn (2016), *"Phác thảo diện mạo tiểu thuyết có khuynh hướng dòng ý thức ở Việt Nam"*, In trong sách *Văn học Việt Nam ba mươi năm Đổi mới (1986 - 2016)*, (Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà (Chủ biên), Nhà xuất bản Văn học, 2017, ISBN: 978-604-954-272-5, tr. 433-448.	Sách, Đồng tác giả
32	Nguyễn Đức Toàn (2016), *Văn xuôi Việt Nam đương đại, hiện tượng và bút pháp*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 2016.	Sách, Tác giả
33	Nguyễn Đức Toàn (2016), *Hệ biểu tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại*, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, (41), tháng 2, tr. 90-99.	Bài viết, Tác giả
34	Nguyễn Đức Toàn (2017), *"Tính phi nhân - một hướng tiếp cận hiện thực và con người trong một số tiểu thuyết Việt Nam đương đại", Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 876, tháng 9 năm 2017, tr. 106-110.	Bài viết, Tác giả
35	Nguyễn Đức Toàn (2017), *"Đặc điểm nghệ thuật của một số tác phẩm văn xuôi viết cho tuổi mới lớn"*, In trong sách *Nghiên cứu và dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới giáo dục* (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Huế tổ chức năm 2017), Nhà xuất bản Đại học Huế, 2017, ISBN: 978-604-912-711-3, tr. 359-378.	Sách, Đồng tác giả
36	Nguyễn Đức Toàn (2017), *"Diễn ngôn về giới trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư"*, In trong sách *Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới và hội nhập* (Kỉ yếu Hội thảo Khoa học toàn quốc do Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, ISBN 978-604-956-142-9, tr. 277-283.	Sách, Đồng tác giả

37	Nguyễn Đức Toàn (2017), *"Dòng ý thức - Từ kĩ thuật đến khuynh hướng sáng tạo - Khảo sát qua một số tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến nay"*, In trong sách *Tuyển tập công trình nghiên cứu ngữ văn học,* (Nhiều tác giả, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017, ISBN 978-604-0-10569-1, tr. 147-160.	Sách, Đồng tác giả
38	Nguyễn Đức Toàn (2018), *Chất trữ tình trong kịch Lưu Quang Vũ*, In trong sách *Lưu Quang Vũ - Những đối thoại nghệ thuật* (Hội thảo Khoa học Quốc gia do Viện Văn học và trường Đại học Duy Tân (Đà Nẵng) tổ chức), Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2018, ISBN: 978-604-84-3417-5, tr. 347-357.	Sách, Đồng tác giả
39	Nguyễn Đức Toàn (2019), *Tổ chức sự kiện và thời gian trong tiểu thuyết Hồ Quý Ly của Nguyễn Xuân Khánh,* In trong sách *Nghiên cứu và giảng dạy văn học đề tài lịch sử dân tộc* (Kỉ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia do Trường Đại học Hồng Đức và Tạp chí Văn nghệ Quân đội phối hợp tổ chức), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 2019, ISBN: 978-604-963-259-4, tr. 214-227.	Sách, Đồng tác giả
40	Nguyễn Đức Toàn (2019), *Diễn ngôn về giới trong truyện ngắn chữ Hán Việt Nam từ thế kỉ XV đến XIX*, In trong *Văn học và Giới* (Kỉ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia do Trường Đại học Sư phạm Huế, Tạp chí Nghiên cứu văn học tổ chức), Nhà xuất bản Đại học Huế, 2019, ISBN: 978-604-974-265-1, tr. 647-659.	Bài viết, Tác giả
41	Nguyễn Đức Toàn (2020), *Hình tượng thiên nhiên trong sáng tác Nguyễn Minh Châu sau 1975*, *Tạp chí Thế giới trong ta*, số Chuyên đề 201 tháng 5 năm 2020, tr. 33-39.	Bài viết, Tác giả
42	Nguyễn Đức Toàn (2020), *Những vỉa tầng văn hóa trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại*, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 9 năm 2020, tr. 32-36.	Bài viết, Tác giả
43	Nguyễn Đức Toàn (2020), *Hình tượng thiên nhiên trong sáng tác Nguyễn Minh Châu*, In trong sách *Nguyễn Minh Châu trong tiến trình đổi mới văn học* (Nguyễn Đăng Điệp chủ biên, Viện Văn học - Viện Hàn lâm khoa học Xã hội Việt Nam), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2020, ISSN: 978-604-9964-18-3, tr. 439-454.	Bài viết, Tác giả

44	Nguyễn Đức Toàn (2020), *"Từ hình tượng chiến sĩ công an nhân dân trong **Bên kia cổng trời** (Ngôn Vĩnh), nghĩ về một hướng đi của tiểu thuyết tư liệu trong dòng chảy văn chương đương đại"*, In trong sách *Sáng tạo văn học về đề tài công an nhân dân từ năm 1986 đến nay*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 283-301.	Sách, Tác giả thành viên
45	Nguyễn Đức Toàn (2021), *Tiểu thuyết Việt Nam đương đại nhìn từ lí thuyết liên văn bản*, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*, số 04 (47), tháng 8 năm 2021.	Bài viết, Tác giả
46	Nguyễn Đức Toàn (2021), *Nét đẹp đời thường trong trang văn Lê Minh Khuê*, *Đặc san Văn hóa Quân sự*, (4), tr. 80-81.	Bài viết, Tác giả
47	Nguyễn Đức Toàn (2021), *Phát triển năng lực môn Ngữ văn cho học sinh lớp 6* (Theo Chương trình GDPT 2018 và sách giáo khoa mới), Nhà xuất bản Dân trí.	Sách, Đồng tác giả
48	Nguyễn Đức Toàn (2021), *Hướng dẫn kĩ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội theo chương trình sách giáo khoa mới - lớp 6*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
49	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Đột phá tư duy qua các chuyên đề Ngữ văn ôn luyện thi vào lớp 10 THPT*, Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
50	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Học tốt Ngữ văn 6, tập 1, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Kết nối tri thức với cuộc sống,* Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
51	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Học tốt Ngữ văn 6, tập 2, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Kết nối tri thức với cuộc sống,* Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
52	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Học tốt Ngữ văn 6, tập 1, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Cánh Diều,* Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
53	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Học tốt Ngữ văn 6, tập 2, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Cánh Diều,* Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả

54	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Giúp em học tốt Ngữ văn 7, tập 1 (Theo chương trình SGK mới - Bộ Cánh Diều),* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
55	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Giúp em học tốt Ngữ văn 7, tập 2 (Theo chương trình SGK mới - Bộ Cánh Diều),* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
56	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Giúp em học tốt Ngữ văn 10, tập 1 (Theo chương trình SGK mới - Bộ Cánh Diều),* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
57	Nguyễn Đức Toàn (2022), *Giúp em học tốt Ngữ văn 10, tập 2 (Theo chương trình SGK mới - Bộ Cánh Diều)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
58	Nguyễn Đức Toàn (2023), *Đề kiểm tra, đánh giá năng lực môn Ngữ văn 6,* Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội, 2023.	Sách, Đồng tác giả
59	Nguyễn Đức Toàn (2023), *Đề kiểm tra, đánh giá năng lực môn Ngữ văn 7*, Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội, 2023.	Sách, Đồng tác giả
60	Vũ Thùy Nga (2011), *"Phong vị đồng dao trong Dế mèn phiêu lưu kí của Tô Hoài"*, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số tháng 6 năm 2011, tr. 71-76.	Bài viết, Tác giả
61	Vũ Thùy Nga (2015), *"Tô Hoài, người kể chuyện xưa mà vẫn mới"*, Kỉ yếu Hội thảo *"Tô Hoài - một đời văn"*, Hội Nhà văn Hà Nội, tháng 7 năm 2015, tr. 50-57.	Bài viết, Tác giả
62	Vũ Thùy Nga (2015), "*Ngôn từ nghệ thuật trong truyện ngắn của Tô Hoài trước Cách mạng tháng Tám - Văn hóa ẩm thực trong sáng tác của Tô Hoài"*, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số tháng 5 năm 2015, tr. 52-58.	Bài viết, Tác giả
63	Vũ Thùy Nga (2015), *"Cách gọi nhân vật - Một phương diện thể hiện cảm quan hiện thực đời thường trong sáng tác của Tô Hoài"*, *Tạp chí Văn học nghệ thuật Hải Dương*, số 162, tháng 12 năm 2015, Hội Văn học nghệ thuật Hải Dương, tr. 33-38.	Bài viết, Tác giả

64	Vũ Thùy Nga (2015), *"Chuyện ăn uống qua cách nhìn Tô Hoài"*, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 378, tháng 12 năm 2015, tr. 52-54.	Bài viết, Tác giả
65	Nguyễn Thị Thanh (2007), *"Đề tài chiến tranh qua một số tác phẩm văn xuôi Việt Nam từ 1945 đến 1975"*, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, tr. 22-25.	Bài viết, Tác giả
66	Nguyễn Thị Thanh (2010), *"Phương thức huyền thoại hóa trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1975 về đề tài chiến tranh"*, Kỉ yếu *Hội nghị khoa học Nghiên cứu sinh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội lần thứ II*, tr. 222-230.	Bài viết, Tác giả
67	Nguyễn Thị Thanh (2011), *"Nghệ thuật xây dựng nhân vật và kết cấu tác phẩm trong **Một ngày và một đời**"*, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 327, tr. 102-104.	Bài viết, Tác giả
68	Nguyễn Thị Thanh (2014), *"Hướng dẫn sinh viên cao đẳng sư phạm Ngữ văn tìm hiểu về Đoàn Giỏi và Đất rừng phương Nam theo hướng rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp"*, Tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 89, tr. 40-42.	Bài viết, Tác giả
69	Nguyễn Thị Thanh (2017), *Áp dụng dạy học, kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn THCS theo hướng tiếp cận PISA*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Chủ biên
70	Nguyễn Thị Thanh (2017), *Bài tập, đề kiểm tra môn Ngữ văn THCS theo hướng tiếp cận PISA*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Chủ biên
71	Luyện Thị Minh Thư (2013), *Bước đầu tìm hiểu về tình hình tôn giáo ở Ấn Độ hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, số 2 (5), tr. 26-33.	Bài viết, Tác giả
72	Luyện Thị Minh Thư (2016), *Hướng dẫn tự học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 267-316.	Sách, Tác giả thành viên
73	Luyện Thị Minh Thư (2016), *Quan niệm trung, hiếu của Phan Bội Châu trong **Khổng học đăng***, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 386 (8), tr. 85-88.	Bài viết, Tác giả

74	Luyện Thị Minh Thư (2016), *Quan niệm về nội dung giáo dục của Nho giáo và sự luận giải quan niệm này của Phan Bội Châu trong tác phẩm* ***Khổng học đăng***, Tạp chí Giáo dục lí luận, số 248 (7), tr. 46-61.	Bài viết, Tác giả
75	Luyện Thị Minh Thư (2016), *Quan niệm về nhân trong học thuyết Khổng - Mạnh và biểu hiện của nó ở nhà nho Phan Bội Châu*, Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội, số 8 (39), tr. 102-110.	Bài viết, Tác giả
76	Luyện Thị Minh Thư (2016), *Quan niệm về "trời", "mệnh trời" trong tác phẩm* ***Khổng học đăng*** *của Phan Bội Châu*, Tạp chí Giáo dục lí luận, số 245, tr. 93-94,109.	Bài viết, Tác giả
77	Luyện Thị Minh Thư (2022), *Phân tích chủ nghĩa duy vật biện chứng theo chuyên đề*, Nhà xuất bản Khoa học và Kĩ thuật, tr. 96-140.	Sách, Tác giả thành viên
78	Nguyễn Thị Ngọc Hằng (2022), *Đột phá tư duy qua các chuyên đề Ngữ văn ôn luyện thi vào lớp 10 THPT*, Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
79	Nguyễn Thị Ngọc Hằng (2022), *Học tốt Ngữ văn 6, tập 1, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
80	Nguyễn Thị Ngọc Hằng (2022), *Học tốt Ngữ văn 6, tập 2, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
81	Nguyễn Thị Ngọc Hằng (2022), *Học tốt Ngữ văn 6, tập 1, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Cánh Diều*, Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
82	Nguyễn Thị Ngọc Hằng (2022), *Học tốt Ngữ văn 6, tập 2, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Cánh Diều*, Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
83	Đặng Thị Mây (2005), *Đề xuất đọc - hiểu truyện ngắn "Một người Hà Nội" của Nguyễn Khải*, *Tạp chí Giáo dục*, số 112, tháng 4, tr. 35-36.	Bài viết, Tác giả
84	Đặng Thị Mây (2007), *Đổi mới cách ra đề tự luận - một trong những giải pháp nâng cao chất lượng dạy học văn ở trường phổ thông*, *Tạp chí Giáo dục*, số 155, tháng 2, tr. 21-26.	Bài viết, Tác giả

85	Đặng Thị Mây (2008), *Sự đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người trong truyện ngắn Nguyễn Khải sau 1975, Tạp chí Giáo dục*, số 189, tháng 5, tr. 38-40.	Bài viết, Tác giả
86	Đặng Thị Mây (2008), *Dạy học truyện ngắn Việt Nam sau 1975 ở trường trung học phổ thông - một hướng nghiên cứu mở, Tạp chí Giáo dục*, số 193, tháng 7, tr. 26-28.	Bài viết, Tác giả
87	Đặng Thị Mây (2008), *Phá vỡ sự quen thuộc trong kĩ thuật tự sự - con đường đổi mới và phát triển có tính quy luật của truyện ngắn Việt Nam, Tạp chí Giáo dục*, số 199, tháng 10, tr. 23-25.	Bài viết, Tác giả
88	Đặng Thị Mây (2008), *Phong cách nghệ thuật truyện ngắn Nguyễn Khải sau 1975, Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 4, tháng 9, tr. 10-16.	Bài viết, Tác giả
89	Đặng Thị Mây (2011), *Hướng dẫn học sinh xây dựng "bản đồ tư duy" khi đọc hiểu truyện ngắn Việt Nam sau 1975, Tạp chí Giáo dục*, số 259, tháng 4, tr. 39-41.	Bài viết, Tác giả
90	Đặng Thị Mây (2012), *Xây dựng hệ thống chuẩn kĩ năng nghề nghiệp trong đào tạo sinh viên khoa Xã hội, trường Cao đẳng Hải Dương, Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, số 63, tháng 7, tr. 21-24.	Bài viết, Tác giả
91	Đặng Thị Mây (2013), *Đổi mới kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn kĩ năng nghề nghiệp của ngành đào tạo - một giải pháp nâng cao chất lượng của Trường Cao đẳng Hải Dương, Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, số 75, tháng 7, tr. 27-28,39.	Bài viết, Tác giả
92	Đặng Thị Mây (2014), *Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực - Một trong những giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, số 85, tháng 5, tr. 25-27.	Bài viết, Tác giả
93	Đặng Thị Mây (2014), *Đề thi mở theo định hướng phát triển năng lực - Thước đo đánh giá phù hợp và tin cậy chất lượng học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, tháng 6, tr. 141-143.	Bài viết, Tác giả
94	Đặng Thị Mây (2015), *Mô hình hóa bài học Ngữ văn ở trường phổ thông theo hướng tích hợp liên môn và tích hợp theo chủ đề, Tạp chí Giáo dục*, số 362, kì 2, tháng 7, tr. 27-29.	Bài viết, Tác giả

95	Đặng Thị Mây (2015), *Một kì thi, một bài thi*, *Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, số 102, tháng 10, tr. 49-50.	Bài viết, Tác giả
96	Đặng Thị Mây (2015), *Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2015 ở Trường Cao đẳng Hải Dương*, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 56 (117), tháng 11, tr. 75-78.	Bài viết, Tác giả
97	Đặng Thị Mây (2018), *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Hải Dương*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.	Sách, Chủ biên
98	Đặng Thị Mây (2022), *Văn hóa học đường nhìn từ các mối quan hệ ngoài nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo"*, *Tạp chí Giáo dục Việt Nam*, số 22, tháng 4, tr. 11-16.	Bài viết, Tác giả
99	Đặng Thị Mây (2023), *Thực hiện nội dung chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại trường THPT thực hành trực thuộc Đại học - Những thuận lợi và khó khăn, thách thức*, Tham luận Hội thảo khoa học "Thực tiễn triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại các trường Trung học phổ thông", Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4, tr. 33-40.	Bài viết, Đồng tác giả
100	Nguyễn Thị Thanh Tâm (2018), *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Hải Dương*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.	Sách, Tác giả thành viên
101	Nguyễn Thị Thanh Tâm (2021), *Không gian đô thị và cảm quan hiện thực trong truyện ngắn trào phúng của Nguyễn Công Hoan*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, số 55, trang 18 - 26.	Bài viết, Tác giả
102	Nguyễn Thị Thanh Tâm (2021), *Huyền thoại hóa và sự biểu hiện tâm linh con người trong văn xuôi Việt Nam sau 1975*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 76, trang 61 - 71.	Bài viết, Tác giả
103	Nguyễn Thị Thanh Tâm (2022), *Hình ảnh làng quê Việt Nam trong tác phẩm "Làng" của Kim Lân*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, trang 91 - 92.	Bài viết, Tác giả

104	Nguyễn Thị Phượng (2013), *"Một vài nhận xét về bước thoại và hành động nói của giáo sinh trên lớp học"*, Kỉ yếu *Hội thảo quốc tế Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 4,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 384-396.	Bài viết, Tác giả
105	Nguyễn Thị Phượng (2015), *"Văn hóa như một tiêu chuẩn trong học tập tiếng Việt"*, Kỉ yếu *Hội thảo Ngữ học toàn quốc,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 649-659.	Bài viết, Đồng tác giả
106	Nguyễn Thị Phượng (2017), *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Hải Dương*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.	Sách, Tác giả thành viên
107	Đoàn Thị Việt Nga (2012), *"Giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn Franz Kafka", Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, tr. 51-57.	Bài viết, Tác giả
108	Đoàn Thị Việt Nga (2012), *"Kiểu nhân vật bất thường trong truyện ngắn Franz Kafka", Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 19, tr. 77-82.	Bài viết, Tác giả
109	Đoàn Thị Việt Nga (2012), *"Cốt truyện truyện ngắn Kafka", Tạp chí Văn học nước ngoài*, Hội Nhà văn Việt Nam, số 6, tr. 131-141.	Bài viết, Tác giả
110	Đào Thị Anh Lê (2011), *"Nghệ thuật sử dụng màu sắc trong thơ trữ tình phong cảnh Xecgây Exênin", Tạp chí Khoa học,* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 5, tr. 52-58.	Bài viết, Tác giả
111	Đào Thị Anh Lê (2014), *"Hình tượng làng quê trong thơ Êxênhin và thơ Đoàn Văn Cừ", Tạp chí Khoa học,* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 10, tr. 76-84.	Bài viết, Tác giả
112	Đào Thị Anh Lê (2016), *"Đề tài Xecgây Êxênhin trong thơ Việt", Tạp chí Khoa học,* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, tr. 27-33.	Bài viết, Tác giả
113	Đào Thị Anh Lê (2016), *Tiếp nhận thơ Xecgây Êxênhin trong nhà trường Việt Nam*, In trong *Tuyển tập công trình nghiên cứu Ngữ văn học* (tập 2), Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 299-305.	Sách, Tác giả thành viên
114	Đào Thị Anh Lê (2018), *Giao thoa văn hóa Tày - Việt - Nga trong thi ca Triệu Lam Châu, Tạp chí Văn học nghệ thuật*, số 407, tr. 99-103.	Bài viết, Tác giả

115	Nguyễn Thái Hưng (2019), *Thực trạng cơ sở vật chất và hoạt động dạy bơi tại các trường Tiểu học có bể bơi tỉnh Hải Dương*, *Tạp chí Khoa học Thể dục thể thao*, tháng 1, tr. 56-60.	Bài viết, Tác giả
116	Nguyễn Thái Hưng (2019), *Kết quả triển khai chương trình bơi chống đuối nước học sinh Tiểu học tỉnh Hải Dương, Tạp chí Khoa học Thể dục thể thao*, tháng 2, tr. 68-70.	Bài viết, Tác giả
117	Nguyễn Thái Hưng (2020), *Tuyển tập một số trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ em lứa tuổi Mầm non*, Nhà xuất bản Lao động.	Sách, Đồng chủ biên

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết', tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), 'Tiêu đề bài viết'*, [trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở trình độ đại hoc̃ của Trường Đại học Hải Dương

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03	1,564			
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02	405			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	41	4,112	Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	Các học kì 1, 2, 3, 4, 5, 7 của toàn khóa học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	21	977	Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Các học kì của toàn khóa học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	02	540	Các học phần Tin học, Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2	Học kì 1, 2, 3 của toàn khóa học	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	71	1,939	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	Các học kì của toàn khóa học	

2	Thư viện, trung tâm học liệu	04	286	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	Các học kì của toàn khóa học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	12,740	Các học phần nghiệp vụ sư phạm, thực tập	Học kì 5, 6, 7, 8 của toàn khóa học	
4	Nhà kí túc xá 5 tầng	04	12,869		Các học kì của toàn khóa học	
5	Nhà dịch vụ	01	1,267		Các học kì của toàn khóa học	
6	Nhà ăn sinh viên	02	950		Các học kì của toàn khóa học	
7	Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng	02	976	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh		
8	Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo	02	2,750	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	
9	Sân bóng chuyền	02	840	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	

				dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh		
10	Sân bóng rổ	03	2,100	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	
	Tổng		**44,315**			

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Giáo trình triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì 1, năm thứ nhất	
2	Giáo trình triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì 1, năm thứ nhất	
3	Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì 1, năm thứ nhất	

	ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)							
4	Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng	Hội đồng Lí luận Trung ương	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì 1, năm thứ nhất	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	PLO002	Kì 2, năm thứ nhất	
6	Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	PLO002	Kì 2, năm thứ nhất	
7	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì 1, năm thứ hai	
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì 1, năm thứ hai	

9	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương, Nguyễn Viết Thông	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì 1, năm thứ hai	
10	Hỏi - đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Thị Thạch	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì 1, năm thứ hai	
11	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì 2, năm thứ hai	
12	Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1,2,4,15		Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì 2, năm thứ hai	
13	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì 2, năm thứ hai	
14	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì 2, năm thứ hai	
15	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên hệ chuyên Lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, năm thứ ba	
16	Chương trình môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018,	50	Lịch sử Đảng Cộng sản	PLO005	Kì 1, năm	

	cho sinh viên hệ chuyên Lí luận chính trị)		Việt Nam		Việt Nam		thứ ba	
17	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, năm thứ ba	
18	Báo cáo tổng kết một số vấn đề lí luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, năm thứ ba	
19	DVD-ROM Văn kiện Đảng toàn tập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Trung tâm Công nghệ DVD, Hà Nội, 2020, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, năm thứ ba	
20	Hồ Chí Minh toàn tập	Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, năm thứ ba	
21	80 năm Đảng Cộng sản Việt Nam, những chặng đường lịch sử (1930 - 2010)	Ngô Đăng Tri	Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, năm thứ ba	
22	Thể dục	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 1	PE006	Kì 1, năm thứ nhất	

23	Thể dục	Nguyễn Xuân Sinh	Thể dục thể thao, Hà Nội, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 1	PE006	Kì 1, năm thứ nhất	
24	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Đại Dương	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 1	PE006	Kì 1, năm thứ nhất	
25	Lí luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học	Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 1	PE006	Kì 1, năm thứ nhất	
26	Giáo trình Đá cầu	Ủy ban Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
27	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
28	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2007,	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm	

			Việt Nam				thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
29	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
30	Giáo trình Võ thuật Vovinam		Thể dục thể thao, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
31	Giáo trình Võ thuật Vovinam		Thể dục thể thao, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	

32	Giáo trình Thể dục Aerobic, Tập 1	Nguyễn Văn Thời	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
33	Giáo trình Cầu lông	Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
34	Giáo trình Cầu lông	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
35	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm	

							thứ ba	
36	101 bài tập môn Bóng chuyền	Thanh Ly, Nhã Thư (Biên dịch)	Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
37	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng	Thể dục thể thao, Hà Nội, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
38	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Bóng đá	Bộ môn Bóng đá, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
39	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân,	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất;	

		Phạm Văn Thảo, Lê Quốc Ân					Kì 1, năm thứ ba	
40	Luật Bóng rổ	Ủy ban Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
41	Giáo trình huấn luyện Vovinam - Việt võ đạo	Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
42	Giáo trình Thể dục Aerobic	Đinh Khánh Thu	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
43	Hướng dẫn tập luyện cầu lông	Đào Chí Thành	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2000,	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm	

			Việt Nam				thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
44	Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông	Trần Văn Vinh	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
45	Luật thi đấu cầu lông	Ủy ban Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
46	Lí luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học	Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm thứ nhất; Kì 1, năm thứ ba	
47	Life: A2-B1	Hughes. J,	Cengage Learning	50	Tiếng Anh 1	EN012	Kì 1,	

		Stephenson. H, Dummet. P	Asia, 2015, Singapore				năm thứ nhất	
48	Test your English Vocabulary in Use	Redman. S, Ruth. G	Trẻ, 2001, Việt Nam	50	Tiếng Anh 1	EN012	Kì 1, năm thứ nhất	
49	Grammar in Use	Murphy. R	Oxford Unversity Press, 2006, Vương quốc Anh	50	Tiếng Anh 1	EN012	Kì 1, năm thứ nhất	
50	Life: A2-B1	Hughes. J, Stephenson. H, Dummet. P	Cengage Learning Asia, 2015, Singapore	50	Tiếng Anh 2	EN013	Kì 1, năm thứ hai	
51	Test your English Vocabulary in Use	Redman. S, Ruth. G	Trẻ, 2001, Việt Nam	50	Tiếng Anh 2	EN013	Kì 1, năm thứ hai	
52	Grammar in Use	Murphy. R	Oxford Unversity Press, 2006, Vương quốc Anh	50	Tiếng Anh 2	EN013	Kì 1, năm thứ hai	
53	Bộ giáo trình IC3: Máy tính căn bản; Các ứng dụng chủ chốt; Cuộc sống trực tuyến	Microsoft Việt Nam	Giáo dục Việt Nam, 2014, Việt Nam	50	Tin học đại cương	IT014	Kì 2, năm thứ nhất	
54	Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở	Phạm Hồng Thái, Dư Phương Hạnh, Lương	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Tin học đại cương	IT014	Kì 2, năm thứ nhất	

		Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu						
55	Tin học cơ sở	Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Tin học đại cương	IT014	Kì 2, năm thứ nhất	
56	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY015	Kì 2, Năm thứ hai	
57	Giáo trình Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn (Chủ biên)	Chính trị Quốc gia, 2012, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY015	Kì 2, năm thứ hai	
58	Giáo trình Lí luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan	Công an nhân dân, 2015, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY015	Kì 2, năm thứ hai	
59	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	Phạm Viết Vượng (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	

60	Quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo		Đại học Sư phạm, 2005, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
61	Nghị quyết 29, Hội nghị 8 BCHTW khóa XI ngày 4/11/2013			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
62	Luật Giáo dục 2019			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
63	Luật Trẻ em 2016			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
64	Luật Viên chức 2010			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
65	Luật Cán bộ, công chức 2008			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	

					GDĐT			
66	Điều lệ trường Trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 05/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
67	Thông tư 39/2013/TT-BGDĐT ngày 04/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
68	Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
69	Báo cáo tổng kết đánh giá Giáo dục và Đào tạo Hải Dương hằng năm			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
70	Giáo trình quản lí hành chính Nhà nước	Nguyễn Hữu Hải	Giáo dục	50	Quản lí hành chính NN và	EDU016	Kì 1, năm	

			Việt Nam, Hà Nội, 2012, Việt Nam		quản lí ngành GDĐT		thứ tư	
71	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy quản lí giáo dục	Nguyễn Xuân Thanh	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU016	Kì 1, năm thứ tư	
72	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học Sư phạm, 2014, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE117	Kì 1, năm thứ nhất	
73	Tâm lí học phát triển	Trương Thị Khánh Hà	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE117	Kì 1, năm thứ nhất	
74	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Xuân Thức	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE117	Kì 1, năm thứ nhất	
75	Giáo trình Tâm lí học giáo dục	Nguyễn Đức Sơn, Trần Quốc Thành, Lê Minh Nguyệt, Đỗ Thị Hạnh Phúc, Trần Lệ Thu, Nguyễn Thị Huệ	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE117	Kì 1, năm thứ nhất	

76	Giáo trình Giáo dục học, Tập 1 + Tập 2	Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE118	Kì 2, năm thứ nhất	
77	Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE118	Kì 2, năm thứ nhất	
78	Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật	Đặng Thành Hưng	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE118	Kì 2, năm thứ nhất	
79	Những vấn đề chung của giáo dục học	Phan Thanh Long (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE118	Kì 2, năm thứ nhất	
80	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CUL119	Kì 1, năm thứ nhất	
81	Bản sắc văn hóa Việt Nam	Phan Ngọc	Văn học, Hà Nội, 2019, Việt Nam	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CUL119	Kì 1, năm thứ nhất	
82	Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm	Trần Quốc Vượng	Giáo dục, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CUL119	Kì 1, năm thứ nhất	
83	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Giáo dục, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử văn minh	CUL120	Kì 1, năm	

					thế giới		thứ nhất	
84	Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại	Lương Ninh (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử văn minh thế giới	CUL120	Kì 1, năm thứ nhất	
85	Một số chuyên đề lịch sử thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Lịch sử văn minh thế giới	CUL120	Kì 1, năm thứ nhất	
86	Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	Khoa Luật - Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Lịch sử văn minh thế giới	CUL120	Kì 1, năm thứ nhất	
87	Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt	Nguyễn Tài Cẩn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Từ Hán Việt	LIN121	Kì 1, năm thứ hai	
88	Rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt và mở rộng vốn từ Hán Việt	Nguyễn Quang Ninh (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Từ Hán Việt	LIN121	Kì 1, năm thứ hai	
89	Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông	Đặng Đức Siêu	Giáo dục, 2000, Việt Nam	50	Từ Hán Việt	LIN121	Kì 1, năm thứ hai	
90	Từ vựng học tiếng Việt	Nguyễn	Giáo dục, 2009, Việt	50	Từ Hán Việt	LIN121	Kì 1,	

		Thiện Giáp	Nam				năm thứ hai	
91	Từ điển từ và ngữ Hán Việt	Nguyễn Lân	Văn học, 2007, Việt Nam	50	Từ Hán Việt	LIN121	Kì 1, năm thứ hai	
92	Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt và chữa lỗi chính tả	Phan Ngọc	Văn hóa Thông tin, 2001, Việt Nam	50	Từ Hán Việt	LIN121	Kì 1, năm thứ hai	
93	Từ điển Hán Việt	Đào Duy Anh	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Từ Hán Việt	LIN121	Kì 1, năm thứ hai	
94	Văn bản và liên kết trong tiếng Việt	Diệp Quang Ban	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Văn bản học	LIT122	Kì 2, năm thứ nhất	
95	Giáo trình Văn bản	Diệp Quang Ban	Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án đào tạo giáo viên, 2005, Việt Nam	50	Văn bản học	LIT122	Kì 2, năm thứ nhất	
96	Giáo trình Ngữ pháp văn bản	Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thị Ngọc Diệu	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Văn bản học	LIT122	Kì 2, năm thứ nhất	
97	Cơ sở nghĩa học từ vựng		Đại học và Trung học	50	Văn bản học	LIT122	Kì 2, năm	

			chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987, Việt Nam				thứ nhất	
98	Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt	Trần Ngọc Thêm	Khoa học Xã hội, 1985, Việt Nam	50	Văn bản học	LIT122	Kì 2, năm thứ nhất	
99	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN123	Kì 2, năm thứ nhất	
100	Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản tiếng Việt	Nguyễn Thị Ly Kha	Giáo dục, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN123	Kì 2, năm thứ nhất	
101	Bài tập tiếng Việt thực hành	Trần Trí Dõi	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN123	Kì 2, năm thứ nhất	
102	Tiếng Việt (thực hành)	Nguyễn Đức Dân	Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 1995, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN123	Kì 2, năm thứ nhất	
103	Câu sai và câu mơ hồ	Nguyễn Đức Dân	Giáo dục, Hà Nội, 1992, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN123	Kì 2, năm thứ nhất	

104	Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt	Trần Ngọc Thêm	Khoa học Xã hội, 1985, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN123	Kì 2, năm thứ nhất	
105	Rèn luyện ngôn ngữ, Tập 1 + Tập 2	Phan Thiều	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN123	Kì 2, năm thứ nhất	
106	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng	Giáo dục, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN123	Kì 2, năm thứ nhất	
107	Dẫn luận ngôn ngữ học	Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng	Đại học Sư phạm, 2010, Việt Nam	50	Dẫn luận ngôn ngữ học	LIN124	Kì 1, năm thứ nhất	
108	Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2	Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán	Giáo dục, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Dẫn luận ngôn ngữ học	LIN124	Kì 1, năm thứ nhất	
109	Dẫn luận ngôn ngữ học	Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết	Giáo dục, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Dẫn luận ngôn ngữ học	LIN124	Kì 1, năm thứ nhất	
110	Nhập môn ngôn ngữ học	Mai Ngọc Chừ (Chủ biên),	Giáo dục, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Dẫn luận ngôn ngữ học	LIN124	Kì 1, năm	

		Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán					thứ nhất	
111	Lí luận văn học, Tập 1 (Văn học, nhà văn, bạn đọc)	Phương Lựu (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Nhập môn lí luận văn học	LIT125	Kì 1, năm thứ nhất	
112	Tác phẩm văn học nhìn từ lí thuyết tiếp nhận	Trương Đăng Dung	Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Nhập môn lí luận văn học	LIT125	Kì 1, năm thứ nhất	
113	Giáo trình Lí luận văn học, Tập 1	Trần Đình Sử	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Nhập môn lí luận văn học	LIT125	Kì 1, năm thứ nhất	
114	Tuyển tập, Tập 1 + Tập 2	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Nhập môn lí luận văn học	LIT125	Kì 1, năm thứ nhất	
115	Tự sự học lí thuyết và ứng dụng	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Nguyên lí lí luận văn học	LIT125	Kì 1, năm thứ nhất	
116	Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học		Đà Nẵng, 2017, Việt Nam	50	Nhập môn lí luận văn học	LIT125	Kì 1, năm thứ nhất	

117	150 thuật ngữ văn học	Lại Nguyên Ân	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Nhập môn lí luận văn học	LIT125	Kì 1, năm thứ nhất	
118	Văn học và các loại hình nghệ thuật	Lê Lưu Oanh	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Nhập môn lí luận văn học	LIT125	Kì 1, năm thứ nhất	
119	Lí luận văn học, Tập 2 (Tác phẩm và thể loại văn học)	Phương Lựu (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	LIT126	Kì 2, năm thứ nhất	
120	Giáo trình Lí luận văn học, Tập 2	Trần Đình Sử	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	LIT126	Kì 1, năm thứ nhất	
121	Tuyển tập, Tập 1 + Tập 2	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	LIT126	Kì 1, năm thứ nhất	
122	Tự sự học lí thuyết và ứng dụng	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	LIT126	Kì 1, năm thứ nhất	
123	150 thuật ngữ văn học	Lại Nguyên Ân (Biên soạn)	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	LIT126	Kì 1, năm thứ nhất	
124	Nghệ thuật thơ ca	Aristote	Văn học, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học và thể loại	LIT126	Kì 1, năm	

					văn học		thứ nhất	
125	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học Kĩ thuật, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PSE127	Kì 1, năm thứ tư	
126	Đi vào nghiên cứu khoa học	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2013, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PSE127	Kì 1, năm thứ tư	
127	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc	Lao động Xã hội, 2015, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PSE127	Kì 1, năm thứ tư	
128	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	Phạm Văn Quyết	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PSE127	Kì 1, năm thứ tư	
129	Giáo trình Mĩ học Mác - Lênin		Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES328.1	Kì 1, năm thứ hai	
130	Mĩ học đại cương	Đỗ Văn Khang	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES328.1	Kì 1, năm thứ hai	
131	Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ	Phạm Việt Hoa, Nguyễn Thị Hoàng Yến	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES328.1	Kì 1, năm thứ hai	

132	Mĩ học với tư cách là một khoa học	Đỗ Huy	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES328.1	Kì 1, năm thứ hai	
133	Mĩ học Mác - Lênin	Đỗ Văn Khang (Chủ biên), Đỗ Huy, Nguyễn Văn Huyên	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES328.1	Kì 1, năm thứ hai	
134	Giáo trình Mĩ học đại cương	Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân	Giáo dục, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES328.1	Kì 1, năm thứ hai	
135	Giáo trình Con người và môi trường	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt Nam	50	Giáo dục môi trường	EDU328.2	Kì 1, năm thứ hai	
136	Giáo dục môi trường	Lê Văn Trưởng, Nguyễn Kim Tiến (Đồng Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Giáo dục môi trường	EDU328.2	Kì 1, năm thứ hai	
137	Cơ sở khoa học môi trường	Lưu Đức Hải	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Giáo dục môi trường	EDU328.2	Kì 1, năm thứ hai	
138	Giáo trình Sinh thái học và môi trường	Trần Kiên và cộng sự	Giáo dục, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Giáo dục môi trường	EDU328.2	Kì 1, năm thứ hai	

139	Môi trường và con người	Mai Đinh Yên	Giáo dục, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Giáo dục môi trường	EDU328.2	Kì 1, năm thứ hai	
140	Giao tiếp sư phạm	Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Giao tiếp sư phạm	PSE328.3	Kì 1, năm thứ hai	
141	Giao tiếp và ứng xử sư phạm	Ngô Công Hoàn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Giao tiếp sư phạm	PSE328.3	Kì 1, Năm thứ hai	
142	Các tình huống sư phạm trong giáo dục	Bùi Thị Mùi	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Giao tiếp sư phạm	PSE328.3	Kì 1, năm thứ hai	
143	Văn học dân gian Việt Nam	Nguyễn Thị Bích Hà	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Văn học dân gian Việt Nam	LIT229	Kì 2, năm thứ nhất	
144	Văn học dân gian	Vũ Tuấn Anh (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Văn học dân gian Việt Nam	LIT229	Kì 2, năm thứ nhất	
145	Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam	Nguyễn Đổng Chi		50	Văn học dân gian Việt Nam	LIT229	Kì 2, năm thứ nhất	
146	Đọc - hiểu tác phẩm văn học dân gian trong trường phổ thông	Lê Trường Phát (Chủ biên),	Giáo dục, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Văn học dân gian	LIT229	Kì 2, năm	

		Nguyễn Thị Bích Hà, Phan Ngọc Anh			Việt Nam		thứ nhất	
147	Chuyên đề văn học dân gian trong nhà trường (dành cho THCS và THPT)	Lê Anh Xuân (Chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Văn học dân gian Việt Nam	LIT229	Kì 2, năm thứ nhất	
148	Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam, Tập 1 + Tập 2	Lã Nhâm Thìn (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012 - 2015 Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
149	Văn học trung đại Việt Nam, Tập 1 + Tập 2	Nguyễn Đăng Na (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007 - 2013, Việt Nam		Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
150	Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
151	Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam	Nguyễn Đăng Na	Giáo dục, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
152	Văn học trung đại Việt Nam dưới	Trần Nho Thìn	Giáo dục, Hà Nội,	50	Văn học Việt	LIT230	Kì 1,	

	góc nhìn văn hóa		2008, Việt Nam		Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII		năm thứ hai	
153	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
154	Việt Nam sử lược	Trần Trọng Kim	Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
155	Các phạm trù văn hoá trung cổ	A.Ja.Gurêvích, Hoàng Ngọc Hiến (Dịch)	Giáo dục, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
156	Phương Đông và Phương Tây (Những vấn đề triết học, triết học lịch sử, văn học Đông và Tây)	N.Kônrát, Trịnh Bá Đĩnh (Dịch)	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
157	Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại	Trần Đình Hượu	Giáo dục, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	

158	Đến hiện đại từ truyền thống	Trần Đình Hượu	Văn hóa, Hà Nội, 1995, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
159	Văn học cổ cận đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật	Nguyễn Huệ Chi	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
160	Những bài dã sử Việt	Tạ Chí Đại Trường	Tri thức, 2009, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
161	Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802	Tạ Chí Đại Trường	Tri thức, 2012, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
162	Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung	Trần Ngọc Vương	Giáo dục, 1995, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
163	Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu	Cao Xuân Huy	Văn học, 1995, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	

					thế kỉ XVIII			
164	Phật giáo - những vấn đề triết học	O.O. Rozenberg	Trung tâm tư liệu Phật học xuất bản, Hà Nội, 1990, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
165	Đạo gia và văn hoá		Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
166	Văn học Việt Nam thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII, Tập 1 + tập 2	Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương	Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978 - 1979, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
167	Văn học Việt Nam thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII	Bùi Văn Nguyên, Hoàng Ngọc Trì, Nguyễn Sĩ Cẩn	Giáo dục, Hà Nội, 1989, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
168	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX	Đặng Thanh Lê, Hoàng Hữu Yên, Phạm Luận	Giáo dục, Hà Nội, 1990, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	

169	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX (tái bản lần thứ năm)	Nguyễn Lộc	Giáo dục, 2004, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII	LIT230	Kì 1, năm thứ hai	
170	Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam, Tập 1 + Tập 2	Lã Nhâm Thìn (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012 - 2015 Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
171	Văn học trung đại Việt Nam, Tập 1 + Tập 2	Nguyễn Đăng Na (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007 - 2013, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
172	Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
173	Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam	Nguyễn Đăng Na	Giáo dục, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
174	Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa	Trần Nho Thìn	Giáo dục, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	

					thế kỉ XIX			
175	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
176	Việt Nam sử lược	Trần Trọng Kim	Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
177	Các phạm trù văn hoá trung cổ	A.Ja.Gurêvích, Hoàng Ngọc Hiến (Dịch)	Giáo dục, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
178	Phương Đông và Phương Tây (Những vấn đề triết học, triết học lịch sử, văn học Đông và Tây)	N.Kônrát, Trịnh Bá Đĩnh (Dịch)	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
179	Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại	Trần Đình Hượu	Giáo dục, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
180	Đến hiện đại từ truyền thống	Trần Đình Hượu	Văn hóa, Hà Nội, 1995, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế	LIT231	Kì 2, năm	

					kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX		thứ hai	
181	Văn học cổ cận đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật	Nguyễn Huệ Chi	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
182	Những bài dã sử Việt	Tạ Chí Đại Trường	Tri thức, 2009, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
183	Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802	Tạ Chí Đại Trường	Tri thức, 2012, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
184	Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung	Trần Ngọc Vương	Giáo dục, 1995, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
185	Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu	Cao Xuân Huy	Văn học, 1995, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
186	Phật giáo - những vấn đề triết học	O.O. Rozenberg	Trung tâm tư liệu	50	Văn học Việt	LIT231	Kì 2,	

			Phật học xuất bản, Hà Nội, 1990, Việt Nam		Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX		năm thứ hai	
187	Đạo gia và văn hoá		Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
188	Văn học Việt Nam thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII, Tập 1 + tập 2	Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương	Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978 - 1979, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
189	Văn học Việt Nam thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII	Bùi Văn Nguyên, Hoàng Ngọc Trì, Nguyễn Sĩ Cẩn	Giáo dục, Hà Nội, 1989, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
190	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX	Đặng Thanh Lê, Hoàng Hữu Yên, Phạm Luận	Giáo dục, Hà Nội, 1990, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	LIT231	Kì 2, năm thứ hai	
191	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX (tái bản	Nguyễn Lộc	Giáo dục, 2004, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ giữa thế	LIT231	Kì 2, năm	

	lần thứ năm)				kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX		thứ hai	
192	Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại, Tập 1 (Từ đầu thế kỉ XX đến 1945)	Trần Đăng Suyền, Nguyễn Văn Long (Đồng Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	LIT232	Kì 1, năm thứ ba	
193	Nghiên cứu văn học Việt Nam: Những khả năng và thách thức		Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2019, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	LIT232	Kì 1, năm thứ ba	
194	Tác phẩm dùng trong nhà trường: Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Nam Cao, Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng,…		Văn học, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	LIT232	Kì 1, năm thứ ba	
195	Các tác giả văn chương Việt Nam		Văn học, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	LIT232	Kì 1, năm thứ ba	
196	Giáo trình Văn học việt Nam hiện đại, Tập 2 (Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945)	Nguyễn Văn Long (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	LIT233	Kì 2, năm thứ ba	
197	Nghiên cứu văn học Việt Nam: Những khả năng và thách thức		Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2019, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	LIT233	Kì 2, năm thứ ba	

198	Tác phẩm dùng trong nhà trường: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Khải, Tô Hoài,...		Văn học, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	LIT233	Kì 2, năm thứ ba	
199	Các tác giả văn chương Việt Nam		Văn học, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	LIT233	Kì 2, năm thứ ba	
200	Giáo trình Văn học việt Nam hiện đại, Tập 2 (Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945)	Nguyễn Văn Long (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	LIT234	Kì 1, năm thứ tư	
201	Nghiên cứu văn học Việt Nam: Những khả năng và thách thức		Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2019, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	LIT234	Kì 1, năm thứ tư	
202	Tác phẩm dùng trong nhà trường: Nguyễn Minh Châu, Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ,...		Văn học, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	LIT234	Kì 1, năm thứ tư	
203	Các tác giả văn chương Việt Nam		Văn học, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	LIT234	Kì 1, năm thứ tư	
204	Giáo trình Văn học thế giới, Tập 1 + Tập 2		Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	
205	Giáo trình văn học Trung Quốc, Tập 1 + Tập 2		Giáo dục, 1997, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm	

							thứ hai	
206	Lịch sử văn học Nhật Bản	Nhật Chiêu	Giáo dục, 1998, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	
207	Văn học Ấn Độ	Lưu Đức Trung	Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	
208	Yasunari Kawabata - Cuộc đời và tác phẩm	Lưu Đức Trung	Giáo dục, 1997, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	
209	Văn học Đông Nam Á	Lưu Đức Trung (Chủ biên)	Giáo dục, 1998, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	
210	Sử thi Ramayana Ấn Độ ở một số nước Đông Nam Á	Đỗ Thu Hà	Văn hóa Thông tin, 2002, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	
211	Giáo trình Văn học Ấn Độ	Đỗ Thu Hà	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	
212	Tuyển tập thơ R.Tagore	Đào Xuân Quý (Dịch)	Văn hóa Thông tin, 2000, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	

213	Tuyển tập Kawabata		Hội Nhà văn, 2001, Việt Nam	50	Văn học phương Đông	LIT235	Kì 1, năm thứ hai	
214	Giáo trình Văn học thế giới, Tập 1 + Tập 2		Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	LIT236	Kì 2, năm thứ hai	
215	Thần thoại Hi Lạp	Nguyễn Văn Khoả	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991, Việt Nam	50	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	LIT236	Kì 2, năm thứ hai	
216	Anh hùng ca Hômerơ	Nguyễn Văn Khoả	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	LIT236	Kì 2, năm thứ hai	
217	Văn học phương Tây		Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	LIT236	Kì 2, năm thứ hai	
218	150 thuật ngữ văn học	Lại Nguyên Ân	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	LIT236	Kì 2, năm thứ hai	
219	Văn học Âu - Mĩ thế kỉ XX	Lê Huy Bắc (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2011, Việt Nam	50	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	LIT236	Kì 2, năm thứ hai	
220	Nghệ thuật tự sự trong tác phẩm của Honore de Balzac	Lê Nguyên Cẩn	Giáo dục Việt Nam, 2011,	50	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	LIT236	Kì 2, năm	

			Việt Nam				thứ hai	
221	Tìm hiểu lí luận văn học phương Tây hiện đại	Phương Lựu	Văn học, 1995, Việt Nam	50	Văn học phương Tây - Mĩ La tinh	LIT236	Kì 2, năm thứ hai	
222	Giáo trình Văn học thế giới, Tập 1 + Tập 2		Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
223	Thơ trữ tình	A.X.Puskin (Nhiều người dịch)	Văn học, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
224	Epghênhi Onheghin	Thái Bá Tân (Dịch)	Hà Nội, 1987	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
225	Truyện ngắn	A.X.Puskin	Cầu vồng, Mát-xcơ-va, 1985, Liên Xô	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
226	Quan thanh tra	N.Gogol, Vũ Đức Phúc (Dịch)	Văn học, Hà Nội, 1963, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
227	Bức chân dung	N.Gogol Văn Hoàng, Phạm Thủy Ba (Dịch)	Văn học, Hà Nội, 1971, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	

228	Những linh hồn chết	N.Gogol, Hoàng Thiếu Sơn (Dịch)	Văn học, Hà Nội, 1965, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
229	Tội ác và trừng phạt	F.Dostoievsky, Cao Xuân Hạo, Cao Xuân Phổ (Dịch)	Văn học, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
230	Anh em nhà Karamazov	F.Dostoievsky, Phạm Mạnh Hùng (Dịch)	Văn học, 2000, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
231	Chiến tranh và hoà bình	L.Tolstoy, Cao Xuân Hạo (Dịch)	Văn học, Hà Nội 2001, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
232	Anna Karenina	L.Tolstoy, Nhị Ca, Dương Tường (Dịch)	Văn học, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
233	Phục sinh	L.Tolstoy, Vũ Đình Phòng, Phùng Uông (Dịch)	Hội Nhà văn, Hà Nội, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
234	Tuyển tập truyện ngắn	Sekhov, Phan Hồng Giang,	Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001,	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm	

		Cao Xuân Hạo (Dịch)	Việt Nam				thứ ba	
235	Tuyển tập kịch	A.Sekhov, Nhị Ca, Lê Phát, Dương Tường (Dịch)	Văn hóa Thông tin, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
236	Giáo trình Lịch sử Văn học Nga	Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Kim Đính (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
237	Những vấn đề thi pháp Doxtoiepxki	M.Bakhtin Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn (Dịch)	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
238	Thơ	Blok A, Esenin S	Văn học, Hà Nội, 1985, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
239	Tuyển tập tác phẩm	Bunin I	Lao động, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	

240	Lịch sử văn học Nga	Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Kim Đính	Giáo dục, Hà Nội, (1997), 2002, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
241	Tuyển tập truyện ngắn	Gorky M	Văn học, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
242	Kịch		Văn học, Hà Nội, 1978, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
243	Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi		Văn học, Hà Nội, (1971, 2002), 2007, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
244	Bác sĩ Zhivago	Pasternak B	Phụ nữ, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
245	Sông Đông êm đềm	Sholokhov M	Hội Nhà văn, Hà Nội, 1993, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
246	Số phận một con người		Văn học, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Văn học Nga	LIT237	Kì 2, năm thứ ba	
247	Tiếng Việt đại cương - Ngữ âm	Đặng Thị Lanh, Bùi Minh Toán	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003,	50	Ngữ âm tiếng Việt	LIN238	Kì 2, năm	

			Việt Nam				thứ nhất	
248	Ngữ âm tiếng Việt	Đoàn Thiện Thuật	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Ngữ âm tiếng Việt	LIN238	Kì 2, năm thứ nhất	
249	Tiếng Việt trên các miền đất nước	Hoàng Thị Châu	Khoa học Xã hội, 2005, Việt Nam	50	Ngữ âm tiếng Việt	LIN238	Kì 2, năm thứ nhất	
250	Âm tiết và loại hình ngôn ngữ	Nguyễn Quang Hồng	Khoa học Xã hội, 1994, Việt Nam	50	Ngữ âm tiếng Việt	LIN238	Kì 2, năm thứ nhất	
251	Chính tả tiếng Việt	Hoàng Phê	Đà Nẵng, 2003, Việt Nam	50	Ngữ âm tiếng Việt	LIN238	Kì 2, năm thứ nhất	
252	Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử	Nguyễn Ngọc San	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Ngữ âm tiếng Việt	LIN238	Kì 2, năm thứ nhất	
253	Giáo trình Từ vựng học Tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007	50	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	LIN239	Kì 1, năm thứ hai	
254	Nghĩa học Việt ngữ	Nguyễn Thiện Giáp	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016	50	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	LIN239	Kì 1, năm thứ hai	

255	Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt	Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến	Giáo dục, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	LIN239	Kì 1, năm thứ hai	
256	Sách giáo khoa Ngữ văn 6,7,8,9		Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	LIN239	Kì 1, năm thứ hai	
257	Ngữ pháp tiếng Việt	Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương	Giáo dục, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Ngữ pháp tiếng Việt	LIN240	Kì 2, năm thứ hai	
258	Ngữ pháp tiếng Việt	Diệp Quang Ban	Giáo dục, 2005, Việt Nam	50	Ngữ pháp tiếng Việt	LIN240	Kì 2, năm thứ hai	
259	Ngữ pháp tiếng Việt (Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ)	Nguyễn Tài Cẩn	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Ngữ pháp tiếng Việt	LIN240	Kì 2, năm thứ hai	
260	Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng, Tập 1	Cao Xuân Hạo	Khoa học Xã hội, TP. Hồ Chí Minh, 1991	50	Ngữ pháp tiếng Việt	LIN240	Kì 2, năm thứ hai	
261	Câu trong tiếng Việt	Cao Xuân Hạo (Chủ biên), Hoàng Xuân Tâm,	Giáo dục, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Ngữ pháp tiếng Việt	LIN240	Kì 2, năm thứ hai	

		Nguyễn Văn Bằng, Bùi Tất Tươm						
262	Cú pháp tiếng Việt	Nguyễn Văn Hiệp	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Ngữ pháp tiếng Việt	LIN240	Kì 2, năm thứ hai	
263	Thành phần câu tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2009	50	Ngữ pháp tiếng Việt	LIN240	Kì 2, năm thứ hai	
264	Phong cách học tiếng Việt	Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa	Giáo dục, Hà Nội, 1993, Việt Nam	50	Phong cách học tiếng Việt	LIN241	Kì 1, năm thứ ba	
265	Phong cách học và các phong cách chức năng tiếng Việt	Hữu Đạt	Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Phong cách học tiếng Việt	LIN241	Kì 1, năm thứ ba	
266	Dẫn luận phong cách học	Nguyễn Thái Hoà	Giáo dục, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Phong cách học tiếng Việt	LIN241	Kì 1, năm thứ ba	
267	Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt	Cù Đình Tú	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Phong cách học tiếng Việt	LIN241	Kì 1, năm thứ ba	
268	Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2	Đỗ Hữu Châu	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Ngữ dụng học	LIN242	Kì 2, năm thứ ba	

269	Ngữ dụng học	Nguyễn Đức Dân	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Ngữ dụng học	LIN242	Kì 2, năm thứ ba	
270	Dụng học Việt ngữ	Nguyễn Thiện Giáp	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Ngữ dụng học	LIN242	Kì 2, năm thứ ba	
271	Dụng học	George Yule	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Ngữ dụng học	LIN242	Kì 2, năm thứ ba	
272	Phương pháp nghiên cứu và phân tích tác phẩm văn học	Trần Đăng Suyền	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản	LIT243	Kì 1, năm thứ ba	
273	Đọc văn, Học văn	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản	LIT243	Kì 1, năm thứ ba	
274	Đọc và tiếp nhận văn chương	Nguyễn Thanh Hùng	Giáo dục, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản	LIT243	Kì 1, năm thứ ba	
275	Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam	Nguyễn Đăng Na	Giáo dục, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản	LIT243	Kì 1, năm thứ ba	
276	Đọc hiểu tác phẩm văn học dân gian Việt Nam trong trường phổ	Lê Trường Phát	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội,	50	Đọc hiểu văn bản	LIT243	Kì 1, năm	

	thông		2014, Việt Nam				thứ ba	
277	Phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại	Nguyễn Văn Long	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản	LIT243	Kì 1, năm thứ ba	
278	Kí hiệu học văn hóa	IU.M.Lotman, Lã Nguyên, Đỗ Hải Phong, Trần Đình Sử (Dịch)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản	LIT243	Kì 1, năm thứ ba	
279	Làm văn	Đỗ Ngọc Thống	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Tạo lập văn bản	LIT244	Kì 1, năm thứ ba	
280	Muốn viết được bài văn hay	Nguyễn Đăng Mạnh (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Tạo lập văn bản	LIT244	Kì 1, năm thứ ba	
281	Bộ sách Hướng dẫn tập làm văn 6,7,8,9	Vũ Nho (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Tạo lập văn bản	LIT244	Kì 1, năm thứ ba	
282	Bộ sách Dàn bài Tập làm văn 6,7,8,9,10,11,12	Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Tạo lập văn bản	LIT244	Kì 1, năm thứ ba	
283	Chương trình Ngữ văn trong nhà	Đỗ	Giáo dục	50	Tạo lập	LIT244	Kì 1,	

	trường phổ thông Việt Nam	Ngọc Thống	Việt Nam, Hà Nội, 2011, Việt Nam		văn bản		năm thứ ba	
284	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS	Phạm Thị Thu Hiền (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Tạo lập văn bản	LIT244	Kì 1, năm thứ ba	
285	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT	Bùi Minh Đức (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Tạo lập văn bản	LIT244	Kì 1, năm thứ ba	
286	Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản (Sách dịch)	Taffy Raphael	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2017, Việt Nam	50	Tạo lập văn bản	LIT244	Kì 1, năm thứ ba	
287	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	TMT245	Kì 1, năm thứ ba	
288	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS, THPT	Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	TMT245	Kì 1, năm thứ ba	
289	Phương pháp dạy học Ngữ văn ở THCS	Nguyễn Thanh Hùng	Đại học Sư phạm, 2007, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	TMT245	Kì 1, năm thứ ba	
290	Áp dụng dạy và học tích cực trong môn Văn học (Dự án Việt - Bỉ)	Trần Bá Hoành	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	TMT245	Kì 1, năm thứ ba	

291	Áp dụng dạy và học tích cực trong môn Tiếng Việt (Dự án Việt - Bỉ)	Trần Bá Hoành	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	TMT245	Kì 1, năm thứ ba	
292	Thiết kế bài giảng Ngữ văn 6,7,8,9	Nguyễn Văn Đường, Hoàng Dân	Giáo dục, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	TMT245	Kì 1, năm thứ ba	
293	Phương pháp dạy học Văn	Phan Trọng Luận (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	TMT245	Kì 1, năm thứ ba	
294	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT	Bùi Minh Đức (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2018, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 1	TMT245	Kì 1, năm thứ ba	
295	Phương pháp dạy đọc văn bản	Nguyễn Thị Hồng Nam	Đại học Cần Thơ, 2015, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	TMT246	Kì 2, năm thứ ba	
296	Phương pháp luận giải mã văn bản văn học	Phan Trọng Luận	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	TMT246	Kì 2, năm thứ ba	
297	Phương pháp dạy học Ngữ văn ở THCS	Nguyễn Thanh Hùng	Đại học Sư phạm, 2007, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	TMT246	Kì 2, năm thứ ba	
298	Phương pháp dạy học Văn	Phan Trọng Luận	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học	TMT246	Kì 2, năm	

		(Chủ biên)			Ngữ văn 2		thứ ba	
299	Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương (theo loại thể)	Nguyễn Viết Chữ	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	TMT246	Kì 2, năm thứ ba	
300	Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu trong nhà trường phổ thông	Phạm Thị Thu Hương	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	TMT246	Kì 2, năm thứ ba	
301	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS	Phạm Thị Thu Hiền (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	TMT246	Kì 2, năm thứ ba	
302	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT	Bùi Minh Đức (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	TMT246	Kì 2, năm thứ ba	
303	Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	Hoàng Hòa Bình (Chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	TMT247	Kì 1, năm thứ tư	
304	Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam - Kỉ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	TMT247	Kì 1, năm thứ tư	
305	Dạy học và kiểm tra đánh giá kết	Bộ Giáo dục	Tài liệu Tập huấn	50	Dạy học Ngữ văn	TMT247	Kì 1,	

	quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn THCS	và Đào tạo	giáo viên, 2014, Việt Nam		theo hướng phát triển năng lực học sinh		năm thứ tư	
306	Đổi mới kiểm tra đánh giá chất lượng học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông - Kỉ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	TMT247	Kì 1, năm thứ tư	
307	Tài liệu Tập huấn cán bộ quản lí, giáo viên triển khai mô hình trường học mới Việt Nam môn Ngữ văn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	TMT247	Kì 1, năm thứ tư	
308	Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho giáo viên trung học phổ thông môn Ngữ văn (Tài liệu Tập huấn giáo viên)	Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Hồng Vân	Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	TMT247	Kì 1, năm thứ tư	
309	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn 6,7,8,9	Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực học sinh	TMT247	Kì 1, năm thứ tư	
310	Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục	Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	

					thông			
311	Đánh giá ra đề theo kiểu PISA (Tài liệu tập huấn)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	
312	Tài liệu tập huấn về đánh giá	Dự án phát triển giáo dục THCS	Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	
313	Tiếp tục nâng cao năng lực đổi mới phương pháp dạy học cho giảng viên các trường Đại học, Cao đẳng Sư phạm (Dự án đào tạo giáo viên THCS)		Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	
314	Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	Đỗ Ngọc Thống	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	
315	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS	Phạm Thị Thu Hiền	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018,	50	Kiểm tra đánh giá	TMT248	Kì 2, năm	

		(Chủ biên)	Việt Nam		môn Ngữ văn trong trường phổ thông		thứ ba	
316	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT	Bùi Minh Đức (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	
317	Đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THCS, THPT	Nguyễn Thúy Hồng	Giáo dục, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	
318	Luyện tập và kiểm tra Ngữ văn THCS	Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	
319	Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán môn Ngữ văn trường THCS (Dự án phát triển giáo dục THCS II)		Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn trong trường phổ thông	TMT248	Kì 2, năm thứ ba	

320	Giáo trình Lí luận dạy học Ngữ văn	Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên), Đào Thị Hồng Hạnh, Trần Thị Ngọc	Đại học Thái Nguyên, 2017, Việt Nam	50	Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn	TMT249	Kì 1, năm thứ ba	
321	Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	Đỗ Ngọc Thống	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	50	Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông	TMT250	Kì 1, năm thứ tư	
322	Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015, Việt Nam	50	Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông	TMT250	Kì 1, năm thứ tư	
323	Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006, Việt Nam	50	Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông	TMT250	Kì 1, năm thứ tư	
324	Sách giáo khoa Ngữ văn các lớp 6,7,8,9		2015, Việt Nam	50	Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông	TMT250	Kì 1, năm thứ tư	

325	Sách giáo khoa Ngữ văn các lớp 10,11,12		2015, Việt Nam	50	Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông	TMT250	Kì 1, năm thứ tư	
326	Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa THPT	Đỗ Ngọc Thống	Giáo dục, 2006, Việt Nam	50	Phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông	TMT250	Kì 1, năm thứ tư	
327	Văn học và các loại hình nghệ thuật	Lê Lưu Oanh	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Văn học và các loại hình nghệ thuật	LIT351.1	Kì 2, năm thứ ba	
328	Hình thái học của nghệ thuật	M. Cagan	Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Văn học và các loại hình nghệ thuật	LIT351.1	Kì 2, năm thứ ba	
329	Từ điển Bách khoa Văn học	A. N. Đimitriêva	Bách khoa Xô viết, Matxcơva, 1967, Liên Xô	50	Văn học và các loại hình nghệ thuật	LIT351.1	Kì 2, năm thứ ba	
330	Hình thái học của nghệ thuật	M. Cagan	Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Văn học và các loại hình nghệ thuật	LIT351.1	Kì 2, năm thứ ba	
331	Sáng tạo, nghệ thuật, hiện thực và con người	M. B. Khrapchencô	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984, Việt Nam	50	Văn học và các loại hình nghệ thuật	LIT351.1	Kì 2, năm thứ ba	

332	Các loại hình nghệ thuật	V. Kôginốp	Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1963, Việt Nam	50	Văn học và các loại hình nghệ thuật	LIT351.1	Kì 2, năm thứ ba	
333	Thi pháp Truyện Kiều	Trần Đình Sử	Giáo dục Việt Nam, 2012, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
334	Nguyễn Du - tác giả, tác phẩm		Giáo dục, Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
335	Truyện Kiều	Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải	Văn học, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
336	Từ điển Truyện Kiều	Đào Duy Anh	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
337	Viết về Nguyễn Du và Truyện Kiều	Nguyễn Trí Tích	Thanh niên, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
338	Giảng văn Truyện Kiều	Đặng Thanh Lê	Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	

339	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX	Đặng Thanh Lê	Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
340	Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm	Đặng Thanh Lê	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
341	Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam	Nguyễn Đăng Na	Giáo dục, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
342	Nguyễn Du toàn tập		Văn học, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
343	Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa	Trần Nho Thìn	Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt Nam	50	Thi pháp Truyện Kiều	LIT351.2	Kì 2, năm thứ ba	
344	Lí luận Văn học so sánh	Nguyễn Văn Dân	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	LIT351.3	Kì 2, năm thứ ba	
345	Văn học so sánh - Lí luận và ứng dụng	Lưu Văn Bổng (Chủ biên)	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học nước ngoài và	LIT351.3	Kì 2, năm thứ ba	

					những vấn đề văn học so sánh			
346	Văn học so sánh - Nghiên cứu và dịch thuật	Khoa Ngữ văn và Báo chí - Trường Đại học KHXH & NV TP. Hồ Chí Minh	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	LIT351.3	Kì 2, năm thứ ba	
347	Từ văn học so sánh đến thi học so sánh	Phương Lựu	Văn học - Trung tâm Ngôn ngữ văn hoá Đông Tây, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	LIT351.3	Kì 2, năm thứ ba	
348	Văn học so sánh - Nghiên cứu và triển vọng	Trần Đình Sử, Lã Nhâm Thìn, Lê Lưu Oanh (Tuyển chọn)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh	LIT351.3	Kì 2, năm thứ ba	
349	Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)	Trần Văn Cơ	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	LIN352.1	Kì 1, năm thứ tư	
350	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ điển	Trần Văn Cơ	Phương Đông,	50	Ngôn ngữ học	LIN352.1	Kì 1,	

			TP. Hồ Chí Minh, 2011, Việt Nam		tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt		năm thứ tư	
351	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	Lí Toàn Thắng	Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, 2009, Việt Nam	50	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	LIN352.1	Kì 1, năm thứ tư	
352	Khảo luận - Ẩn dụ tri nhận	Trần Văn Cơ	Lao động - Xã hội, TP. Hồ Chí Minh, 2009, Việt Nam	50	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	LIN352.1	Kì 1, năm thứ tư	
353	Đặc trưng văn hoá dân tộc của ngôn ngữ và tư duy	Nguyễn Đức Tồn	Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	LIN352.1	Kì 1, năm thứ tư	
354	Đặc trưng tư duy của người Việt qua ẩn dụ tri nhận trong thành ngữ	Nguyễn Đức Tồn	Kỉ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 3	50	Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn	LIN352.1	Kì 1, năm thứ tư	

					tiếng Việt			
355	Giáo trình Từ vựng học Tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	LIN352.2	Kì 1, năm thứ tư	
356	Ngữ pháp tiếng Việt	Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương	Giáo dục, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	LIN352.2	Kì 1, năm thứ tư	
357	Ngữ dụng học	Nguyễn Đức Dân	Giáo dục, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Lí thuyết ba bình diện và việc nghiên cứu hư từ tiếng Việt	LIN352.2	Kì 1, năm thứ tư	
358	Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam	Nguyễn Hoàng Yến	Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam	LIN352.3	Kì 1, năm thứ tư	
359	Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản	Diệp Quang Ban	Giáo dục Việt Nam, 2009, Việt Nam	50	Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam	LIN352.3	Kì 1, năm thứ tư	
360	Tiếng cười dân gian Việt Nam	Trương Chính, Phong Châu	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004,	50	Hàm ý hội thoại trong truyện cười	LIN352.3	Kì 1, năm	

			Việt Nam		dân gian Việt Nam		thứ tư	
361	Dụng học Việt ngữ	Nguyễn Thiện Giáp	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam	LIN352.3	Kì 1, năm thứ tư	
362	Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian	Đỗ Bình Trị	Giáo dục, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam	LIN352.3	Kì 1, năm thứ tư	
363	Đọc văn	Đỗ Văn Hiểu, Nguyễn Thị Mai Anh, Trần Thị Thu Hương	Giáo dục Việt Nam, 2019, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
364	Kí hiệu học nghệ thuật sân khấu điện ảnh	Erika Fischer - Lichte	Viện Nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh Việt Nam, 1997, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
365	Lí thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa văn chương	Itamar Even - Zohar	Thế giới, 2014, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	

					thông theo thể loại			
366	Văn chương cảm và luận	Nguyễn Trọng Tạo	Văn hóa thông tin, 1998, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
367	Đọc văn, Học văn	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
368	Tinh hoa thơ mới, thẩm bình và suy ngẫm	Lê Bá Hán, Chu Văn Sơn	Giáo dục, 1998, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
369	Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản (Sách dịch)	Taffy Raphael	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2017, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại		Kì 1, năm thứ tư	
370	Tự tình cùng cái đẹp	Chu Văn Sơn	Giáo dục	50	Đọc hiểu	TMT353.1	Kì 1,	

			Việt Nam, 2019, Việt Nam		văn bản trong trường phổ thông theo thể loại		năm thứ tư	
371	Thơ thi pháp và chân dung	Đặng Tiến	Phụ nữ, 2009, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
372	Tài năng và người thưởng thức	Đặng Anh Đào	Giáo dục Việt Nam, 2018, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
373	Thi pháp văn học trung đại	Trần Đình Sử	Đại học Sư phạm, 2006, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
374	Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại	Lã Nhâm Thìn	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	

					theo thể loại			
375	Phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại	Nguyễn Văn Long	Giáo dục Việt Nam, 2014, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
376	Đọc hiểu tác phẩm văn học dân gian Việt Nam trong trường phổ thông	Lê Trường Phát	Giáo dục, 2014, Việt Nam	50	Đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông theo thể loại	TMT353.1	Kì 1, năm thứ tư	
377	Phương pháp dạy học Văn	Phan Trọng Luận	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	TMT353.2	Kì 1, năm thứ tư	
378	Muốn viết được bài văn hay	Nguyễn Đăng Mạnh (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	50	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	TMT353.2	Kì 1, năm thứ tư	
379	Bộ sách Hướng dẫn tập làm văn 6,7,8,9	Vũ Nho (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, 2014,	50	Phát triển năng lực	TMT353.2	Kì 1, năm	

			Việt Nam		tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông		thứ tư	
380	Bộ sách Dàn bài Tập làm văn 6,7,8,9,10,11,12	Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, 2013, Việt Nam	50	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	TMT353.2	Kì 1, năm thứ tư	
381	Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	Đỗ Ngọc Thống	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	50	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	TMT353.2	Kì 1, năm thứ tư	
382	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS	Phạm Thị Thu Hiền (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	TMT353.2	Kì 1, năm thứ tư	
383	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT	Bùi Minh Đức (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	TMT353.2	Kì 1, năm thứ tư	

384	Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản (Sách dịch)	Taffy Raphael	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2017, Việt Nam	50	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông	TMT353.2	Kì 1, năm thứ tư	
385	Trò chơi và bài tập vui trong giờ Tiếng Việt ở trường THCS	Nguyễn Thị Hương Lan, Vũ Thị Lan, Lê Anh Xuân	Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	TMT353.3	Kì 1, năm thứ tư	Giáo trình
386	Áp dụng dạy và học tích cực trong môn Tiếng Việt (Tài liệu môn Tiếng Việt)	Trần Bá Hoành, Nguyễn Thị Hạnh, Lê Phương Nga	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	TMT353.3	Kì 1, năm thứ tư	
387	Những bài tập tiếng Việt lí thú		Giáo dục, Hà Nội, 1995, Việt Nam	50	Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	TMT350.3	Kì 1, năm thứ tư	
388	Ngữ liệu văn học dân gian trong dạy học tiếng Việt (Tài liệu tham khảo dùng cho giảng viên sư phạm, giáo viên THCS môn Văn học và giáo viên Tiểu học)	Nguyễn Văn Tứ	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Trò chơi và bài tập tiếng Việt trong trường phổ thông	TMT353.3	Kì 1, năm thứ tư	
389	Nghiệp vụ sư phạm 1	Nguyễn Thị	Đại học Quốc gia Hà	50	Nghiệp vụ	TMT254	Kì 1,	

		Yến Thoa, Bùi Thị Hồng Minh	Nội, 2018, Việt Nam		sư phạm 1		năm thứ ba	
390	Giáo trình Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
391	Nghiệp vụ sư phạm 3	Bùi Văn Quân (Chủ biên)	Đại học Quốc gia, 2019, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
392	Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Thị Ngọc Tú	Đại học Sư phạm, 2018, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
393	Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	QĐ14/2007/ QĐ-BGDĐT, 2007, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
394	Luật Giáo dục năm 2005 (bổ sung, chỉnh sửa 2009, 2014)		Chính trị Quốc gia, 2015, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
395	Tâm lí học xã hội	Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
396	Tôi tự học	Thu Giang, Nguyễn	Trẻ, 2016, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm	

		Duy Cần					thứ ba	
397	Giáo dục học, Tập 1	Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
398	Tăng cường năng lực kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh (Tài liệu bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên)	Trần Thị Tuyết Oanh		50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
399	Chương trình giáo dục những giá trị sống - Những hoạt động giá trị dành cho trẻ từ 8 đến 14 tuổi	Nguyễn Thị Bích Hà (Biên dịch)	Trẻ, 2015, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
400	Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	Nguyễn Hữu Hợp	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
401	Giáo dục học, Tập 2	Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì 1, năm thứ ba	
402	Giáo trình Thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	TMT255	Kì 1, năm thứ tư	
403	Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu	Phạm Thị	Đại học Sư phạm Hà	50	Nghiệp vụ	TMT255	Kì 1,	

	trong nhà trường phổ thông	Thu Hương	Nội, 2018, Việt Nam		sư phạm 2		năm thứ tư	
404	Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	Đỗ Ngọc Thống	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	TMT255	Kì 1, năm thứ tư	
405	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS	Phạm Thị Thu Hiền (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	TMT255	Kì 1, năm thứ tư	
406	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT	Bùi Minh Đức (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	TMT255	Kì 1, năm thứ tư	
407	Phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại	Nguyễn Văn Long	Giáo dục Việt Nam, 2009, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
408	Đọc văn, Học văn	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
409	Nhà thơ Việt Nam hiện đại	Vũ Ngọc Phan	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	

410	Thi pháp thơ Tố Hữu	Trần Đình Sử	Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
411	Hồ Chí Minh, tác gia, tác phẩm, nghệ thuật ngôn từ (Tuyển chọn)		Giáo dục, 1997, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
412	Tinh hoa thơ mới, thẩm bình và suy ngẫm	Lê Bá Hán, Chu Văn Sơn	Giáo dục, 1998, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
413	Mắt thơ	Đỗ Lai Thúy	Văn hóa thông tin, 1998, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
414	Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca (60 năm phong trào Thơ Mới)	Huy Cận, Hà Minh Đức	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
415	Tự tình cũng cái đẹp	Chu Văn Sơn	Giáo dục Việt Nam, 2019, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	

					hiện đại			
416	Thơ thi pháp và chân dung	Đặng Tiến	Phụ nữ, 2009, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
417	Những thế giới nghệ thuật thơ,	Trần Đình Sử	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
418	Thơ ca Việt Nam (Hình thức và thể loại)	Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
419	Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại	Hà Minh Đức	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Thơ và một số vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại	LIT458B.1	Kì 2, năm thứ tư	
420	Tiếng Việt ở Trung học phổ thông	Bùi Minh Toán	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT	LIN458B.2	Kì 2, năm thứ tư	
421	Chương trình Ngữ văn - Chương trình GDPT mới	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	50	Tiếng Việt trong chương trình Ngữ	LIN458B.2	Kì 2, năm	

			2018, Việt Nam		văn THCS, THPT		thứ tư	
422	Sách giáo khoa Ngữ văn 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục Việt Nam	50	Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT	LIN458B.2	Kì 2, năm thứ tư	
423	Bài tập rèn kĩ năng tích hợp Ngữ văn 6,7,8,9	Vũ Nho (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	TMT458B.3	Kì 2, năm thứ tư	
424	Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam	Kỉ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	TMT458B.3	Kì 2, năm thứ tư	
425	Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho giáo viên trung học phổ thông môn Ngữ văn	Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Hồng Vân	Tài liệu Tập huấn giáo viên, Hà Nội tháng 2/2015, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	TMT458B.3	Kì 2, năm thứ tư	
426	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS	Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	TMT458B.3	Kì 2, năm thứ tư	
427	Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT	Bùi Minh Đức (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp	TMT458B.3	Kì 2, năm thứ tư	

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	**Tên gọi máy, thiết bị, kí hiệu và mục đích sử dụng**	**Nước sản xuất, năm sản xuất**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Máy tính Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội	Tin học đại cương	Kì 2, năm thứ nhất	01	
2	Máy tính Tai nghe Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội	Tiếng Anh 1	Kì 1, năm thứ nhất	01	
3	Máy tính Tai nghe Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội	Tiếng Anh 2	Kì 1, năm thứ ba	01	

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lí kê khai
(theo từng mẫu trên)
(Kí tên xác nhận)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Kí tên, đóng dấu)